

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

PHÒNG THÔNG TIN THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA



BÁO CÁO TỔNG HỢP THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ VÀ DỰ BÁO

THÁNG 4/2020

THUỘC NHIỆM VỤ “DUY TRÌ HỆ THỐNG THÔNG TIN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CÁC MẶT HÀNG RAU QUẢ” NĂM 2020

Năm 2020

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ THÁNG 4/2020 VÀ DỰ BÁO

* Thị trường trong nước

- Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường rau quả trong nước khi Việt Nam thực hiện cách ly toàn xã hội từ đầu tháng 4/2020. Trong khi giá trái cây khá ổn định, một số loại còn giảm giá (ổi, xoài, dứa...) do nguồn cung dồi dào cộng với xuất khẩu sang thị trường Trung quốc chậm lại, thì giá rau củ lại biến động mạnh. Nửa đầu tháng, giá rau củ tăng cao do nhu cầu dự trữ thực phẩm tăng; tuy nhiên, đến cuối tháng 4, thị trường đã ổn định hơn, giá nhiều loại rau đã giảm gần về mức bình thường.

- Trong tháng 4/2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến Trung Quốc tiếp tục các biện pháp kiểm soát dịch bệnh tại cửa khẩu biên giới nên xuất khẩu rau quả của Việt Nam chỉ tăng 8% so với tháng 3/2020 và giảm 16,3% so với tháng 4/2019; lũy kế 4 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu rau quả ước đạt 1,2 tỷ USD, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2019. Ở chiều ngược lại, nhập khẩu rau quả trong tháng 4/2020 ước giảm 4,2% so với tháng trước và giảm tới 61% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng tới, thương mại toàn cầu cải thiện, nhu cầu tăng trở lại sẽ góp phần thúc đẩy xuất nhập khẩu rau quả của Việt Nam.

* Thị trường thế giới

- Tháng 3/2020, xuất khẩu trái cây của Thái Lan phục hồi mạnh mẽ nhờ tăng xuất khẩu sang ba thị trường chính là Trung Quốc, Việt Nam và Hồng Kông. Kim ngạch tăng gấp ba lần so với tháng 2/2020 và tăng 15% so với tháng 3/2019. Tuy nhiên, tính chung cả quý I/2020, kim ngạch xuất khẩu trái cây của Thái Lan vẫn giảm 22,2% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

- Kim ngạch xuất khẩu trái cây của Trung Quốc cũng tăng mạnh trở lại trong tháng 3/2020, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm 2019; trong khi kim ngạch nhập khẩu trái cây của quốc gia này tiếp tục giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước.

I. THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

1. Thị trường trái cây

1.1. Tình hình sản xuất

Tháng 4/2020, thời tiết thay đổi thất thường, độ ẩm cao, mưa nắng xen kẽ gây bất lợi cho phát triển cây trồng tại các tỉnh phía Bắc, trong khi nắng nóng kéo dài, xâm nhập mặn tại các tỉnh ĐBSCL gây khó khăn cho hoạt động trồng trọt. Các loại trái cây đang cho thu hoạch rộ gồm: ổi, dứa, chuối, xoài, bơ..., một số loại trái cây đang vào đầu vụ thu hoạch gồm: sầu riêng, nhãn, vải u hồng.

Hiện vải u hồng đang vào vụ thu hoạch tại một số địa phương ở Tây Nguyên, sản lượng năm nay dự kiến sẽ tăng 30% so với cùng kỳ năm trước. Vải u hồng Tây Nguyên thường cho thu hoạch sớm hơn 1 tháng so với vải sớm ở các tỉnh phía Bắc như Bắc Giang, Hải Dương... Năm nay, diện tích vải thiều toàn tỉnh Bắc Giang là trên 28.100 ha, sản lượng dự kiến khoảng 160.000 tấn, tăng gần 10.000 tấn so với năm 2019; trong đó, vải sớm khoảng 6.000 ha, sản lượng 45.000 tấn và vải thiều chính vụ trên 22.100 ha, sản lượng 115.000 tấn.

Còn tại các tỉnh miền Trung, dứa hầu đang gần về cuối vụ, dự kiến kết thúc vụ thu hoạch trong nửa đầu tháng 5. Các giống dứa đang cho thu hoạch gồm: dứa Hồng Lương và dứa Hắc Mỹ Nhân.

Tính đến tháng 4/2020, sản lượng một số loại cây ăn quả tăng so với cùng kỳ năm trước: bưởi đạt hơn 140 nghìn tấn, tăng 12%; thanh long đạt hơn 400 nghìn tấn, tăng 10%; cam đạt gần 250 nghìn tấn, tăng 8%; xoài đạt hơn 120 nghìn tấn, tăng 4,5%; dứa đạt gần 300 nghìn tấn, tăng 3%; chuối đạt gần 600 nghìn tấn, tăng 1,3%.

1.2. Diễn biến giá

Trong tháng 4/2020, cả nước thực hiện cách ly toàn xã hội từ ngày 1/4/2020 đến hết ngày 22/4/2020 nhằm kiểm soát dịch bệnh Covid-19, nhu cầu tích trữ tăng nhưng do nguồn cung khá dồi dào cộng với xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chậm lại trong bối cảnh quốc gia này tăng cường kiểm soát phòng dịch, nên giá trái cây không tăng đột biến, một số loại trái cây còn giảm giá như: ổi, dứa, xoài... Giá trái cây tại các địa phương cụ thể như sau:

Tại các tỉnh phía Nam, giá nhiều loại trái cây giảm so với tháng trước do nguồn cung dồi dào, tiêu thụ chậm: giá bán buôn xoài cát Chu giảm mạnh từ 15.000 đ/kg, còn 13.000 đ/kg; xoài cát Hòa Lộc giảm 30.000 đ/kg còn 35.000 đ/kg; xoài Đài Loan thu mua giảm 10.000 đ/kg, còn 5.000 – 6.000 đ/kg; giá bưởi da xanh cũng giảm 5.000 đ/kg, còn 25.000 đ/kg; bưởi Năm roi giảm 5.000 đ/kg, còn 15.000 – 20.000 đ/kg; măng cầu giảm 10.000 đ/kg, còn 30.000 – 35.000 đ/kg; cam xoàn giảm 5.000 đ/kg, còn 25.000 – 30.000 đ/kg; giá nhãn Ido cũng đang ở mức thấp so với cùng kỳ năm trước, chỉ còn 13.000 - 15.000 đ/kg tùy loại, giảm 10.000 đ/kg; giá bơ 034 giảm do sản lượng tăng trong khi tiêu thụ yếu, giá thu mua tại vườn chỉ còn 30.000 đ/kg, giảm một nửa so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, vẫn có một số loại trái cây tăng giá nhẹ như: thanh long ruột trắng tăng 3.000 – 7.000 đ/kg, lên 25.000 – 30.000 đ/kg; thanh long ruột đỏ từ 30.000 – 35.000 đ/kg; giá sầu riêng tăng do nguồn cung hạn chế, tăng 20.000 đ/kg, lên 90.000 – 100.000 đ/kg.

Trong khi đó, tại Lâm Đồng, giá bán lẻ trái cây giảm nhẹ: xoài keo 17.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg; cam xoàn 40.000 đ/kg, tăng 1.000 đ/kg; cam sành nhỏ 33.000 đ/kg, tăng 500 đ/kg; xoài Cát Chu 30.000 đ/kg; quýt đường 52.000 đ/kg, giảm 2.000 đ/kg; hồng xiêm 39.000 đ/kg; chanh dây 16.000 đ/kg, giảm 2.000 đ/kg; xoài ghép 30.000 đ/kg, giảm 3.000 đ/kg; sầu riêng Ri6 giá 82.000 đ/kg, giảm 8.000 đ/kg; xoài keo vàng giá 22.000 đ/kg, giảm 5.000 đ/kg.

Còn tại các tỉnh phía Bắc, giá bán lẻ trái cây khá ổn định: dưa hấu là 18.000 - 20.000 đ/kg; thanh long từ 20.000 – 30.000 đ/kg; đu đủ 18.000 đ/kg, cam sành Sài Gòn 40.000 - 50.000 đ/kg; quýt đường giá từ 35.000 - 40.000 đ/kg. Một số loại trái cây giảm giá gồm: ổi giảm 5.000 đ/kg, còn 10.000 đ/kg; dưa giảm 2.000 đ/quả, còn 6.000 đ/quả; bưởi da xanh giảm 15.000 đ/kg, còn 55.000 - 60.000 đ/kg; bưởi Năm Roi từ 40.000 - 60.000 đ/kg; xoài Đài Loan giảm 10.000 đ/kg, còn 15.000 - 20.000 đ/kg. Riêng giá sầu riêng, thanh long tăng do nguồn cung hạn chế: thanh long từ 20.000 - 40.000 đ/kg tùy loại, tăng 5.000 đ/kg, sầu riêng từ 90.000 - 120.000 đ/kg, tăng 20.000 đ/kg.

Dưới đây là diễn biến giá cụ thể của một số chủng loại trái cây tại các địa phương:

Thanh long: Dù xuất khẩu thanh long trong tháng 4 chậm hơn do Trung Quốc thắt chặt các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại các cửa khẩu biên giới nhằm kiểm soát dịch bệnh Covid-19, nhưng do đang vào cuối vụ thu hoạch nên nguồn cung thanh long khá hạn chế, giá thanh long ổn định so với tháng trước.

Tại Long An, giá thanh long ruột đỏ thu mua đã lên 18.000 đ/kg, thanh long ruột trắng 14.000 đ/kg; thanh long ruột đỏ từ 25.000 đ/kg đến 35.000 đ/kg, tùy phẩm cấp.

Dưa hấu: Hiện đang vào vụ thu hoạch rộ dưa hấu tại các tỉnh ĐBSCL như Vĩnh Long, Long An, An Giang. Nguồn cung dồi dào nhưng tiêu thụ thuận lợi hơn nên giá dưa hấu tăng nhẹ so với tháng trước: giá dưa hấu dài thu mua quanh mức 8.000 – 10.000 đ/kg, tăng 1.000 đ/kg; giá bán lẻ tại các siêu thị từ 12.000 – 25.000 đ/kg, tăng 3.000 – 5.000 đ/kg tùy phẩm cấp.

Hiện dưa hấu đang vào vụ thu hoạch rộ tại Quảng Nam, năng suất và sản lượng đều tăng, giá dưa thu mua tại vườn ở mức 7.000 – 8.000 đ/kg, tăng 2.000 đ/kg so với cùng kỳ năm trước.

Dừa: Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến tiêu thụ chậm, giá dừa giảm nhẹ so với tháng trước và giảm trên 30% so với cùng kỳ năm trước. Tại Bến Tre, giá dừa tươi xiêm xanh thu mua tại vườn giảm 5.000 đ/12 quả, còn 65.000 - 75.000 đ/12 quả;

dừa xiêm lai từ 50.000 – 55.000 đ/12 quả, giảm 5.000 đ/12 quả; còn dừa dứa loại 1 là 13.000 đ/quả.

Trong khi đó, giá dừa khô nguyên liệu lại tăng nhẹ so với tháng trước, giá dừa khô nguyên liệu loại I thu mua tại vườn ở mức 110.000 đ/12 quả, tăng 10.000 đ/kg so với tháng trước; dừa khô loại thường có giá từ 80.000 - 105.000 đ/12 quả, tăng 10.000 đ/12 quả. Dừa trồng theo mô hình hữu cơ thu mua ở mức 95.000 – 120.000 đồng/12 quả, tăng 13.000 đ/12 quả.

Mít Thái: Tại các tỉnh ĐBSCL, hiện giá mít Thái loại 1 thu mua từ 18.000 - 25.000 đ/kg, còn mít loại 2 là từ 18.000 đ/kg, tương đối ổn định so với tháng trước. Tuy nhiên, nếu so với cùng kỳ năm trước, thì hiện giá mít vẫn thấp hơn khoảng 10.000 đ/kg. Giá bán lẻ mít Thái từ 25.000 – 35.000 đ/kg, tùy phẩm cấp.

Trong khi giá mít khá ổn định, thì giá cây giống mít Thái lại tăng tại nhiều địa phương, tăng bình quân 10.000 đ/cây so với tháng trước đó. Mặc dù giá tăng nhưng nhu cầu vẫn ở mức cao, nguồn cung hạn chế. Tại Bến Tre, Vĩnh Long, cây giống mít Thái loại cây ghép được 1 cơi lá, gốc ghép có đường kính từ 1,7-2 cm có giá 45.000-50.000 đ/cây, tăng 10.000 đ/cây; cây cỡ 1-1,5 cm tăng từ 25.000 - 30.000 đ/cây lên 35.000 - 40.000 đ/cây.

Bưởi: Mặc dù nguồn cung bưởi khá hạn chế do ảnh hưởng bởi hạn mặn nhưng giá bưởi tại các tỉnh ĐBSCL vẫn đang ở mức thấp. Giá bưởi Năm roi loại 1 thu mua tại vườn hiện còn 22.000- 25.000 đ/kg, giảm 15.000 đ/kg so với trước Tết; bưởi Năm roi loại 2 còn 14.000- 18.000 đ/kg. Tương tự, giá bưởi da xanh cũng giảm bình quân 10.000 đ/kg, còn 20.000 - 30.000 đ/kg.

Nguyên nhân khiến giá bưởi giảm chủ yếu do nhiều thương lái vẫn còn hàng tồn từ trước Tết nên hoạt động thu mua chưa sôi động. Bên cạnh đó, tác động của dịch Covid-19 cũng ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ bưởi nói chung.

Sầu riêng: Tại Hậu Giang, hiện đang vào đầu vụ thu hoạch sầu riêng, nguồn cung còn hạn chế nên giá sầu riêng ở mức khá cao. Cụ thể, sầu riêng Ri 6 cơm vàng hạt lép, giá thu mua tăng 10.000 đ/kg, lên 70.000 – 75.000 đ/kg; bán lẻ khoảng 90.000 - 100.000 đ/kg, tăng 20.000 đ/kg so với tháng trước. Năng suất sầu riêng năm nay có thể sẽ giảm so với các năm trước do thời tiết nắng nóng gay gắt kéo dài và ảnh hưởng của xâm nhập mặn.

Xoài: Tháng 4/2020, giá các loại xoài đều giảm mạnh so với tháng trước và so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân do đang vào vụ thu hoạch trong khi tiêu thụ chậm, xuất khẩu khó khăn. Cung vượt cầu khiến giá xoài xuống mức thấp kỷ lục. Cụ thể: giá xoài cát Hòa Lộc thu mua tại vườn chỉ còn 15.000 đ/kg (loại I), giảm 10.000 đ/kg so với tháng trước và giảm 30.000 đ/kg so với cùng kỳ năm 2019; xoài cát Chu có giá 5.000 – 6.000 đ/kg, giảm 12.000 đ/kg so với tháng trước, giá bán lẻ từ 10.000 đ/kg. Giá xoài Đài Loan cũng giảm mạnh, giá thu mua chỉ còn 3.000 – 4.000 đ/kg, giảm thêm 3.000 đ/kg so với tháng trước và giảm 10.000 đ/kg so với cùng kỳ năm

trước; giá bán lẻ tại Tp. Hồ Chí Minh từ 10.000 – 15.000 đ/kg, tại Hà Nội khoảng 15.000 – 20.000 đ/kg.

Hiện toàn tỉnh Đồng Tháp có trên 9.700 ha trồng xoài, bao gồm xoài cát Hòa Lộc, xoài cát Chu và các loại xoài khác, với tổng sản lượng hơn 77.000 tấn. Đến nay, nhà vườn đã thu hoạch 70% diện tích, số còn lại dự kiến đến đầu tháng 5 sẽ thu hoạch dứt điểm.

Cam: Trong tháng này, nhu cầu cam đã hạ nhiệt, nguồn cung cam lòng vàng Cao Phong thu hẹp do vào cuối vụ, hiện thị trường chủ yếu là cam sành, cam xoàn từ miền Nam. Giá cam cũng tương đối ổn định so với tháng trước: giá cam sành loại nhỏ thu mua từ 10.000 – 15.000 đ/kg, bán lẻ từ 15.000 – 25.000 đ/kg; cam sành loại to thu mua ở mức 25.000 đ/kg.

Dứa: Hiện dứa đang vào vụ thu hoạch rộ ở nhiều tỉnh, thành, nguồn cung hiện khá dồi dào, giá giảm so với tháng trước. Tại Lào Cai, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tiêu thụ ở các nhà máy cũng khá chậm khiến giá dứa thu mua thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, giảm 2.000 đ/kg, xuống 4.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg so với tháng trước.

Còn tại Hậu Giang, hạn mặn và khô hạn khiến dịch bệnh đốm lá, chết bụi bùng phát trên nhiều diện tích dứa. Năng suất, sản lượng thu hoạch đều giảm, chất lượng quả cũng thấp. Cộng với tiêu thụ khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên giá dứa thu mua cũng ở mức thấp, chỉ 4.000 - 5.000 đ/kg.

Tại Đắk Lắk, phần lớn là dứa tơ (dứa thu năm đầu) nên quả to, trọng lượng từ 2,5 đến hơn 3 kg/quả. Tuy nhiên do tiêu thụ chậm, nên giá thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, giá dứa thu mua chỉ khoảng 7.000 - 8.000 đ/quả, giảm 50% so với cùng kỳ năm 2019; loại nhỏ từ 2.000 – 3.000 đ/quả.

Nhãn: Trước tác động của dịch bệnh Covid-19, tình hình tiêu thụ nhãn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh gặp nhiều khó khăn. Hiện giá nhãn giảm mạnh chỉ còn 5.000 – 6.000 đ/kg. Nhãn của Tây Ninh chủ yếu được xuất khẩu sang Campuchia và Trung Quốc, nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh nên xuất khẩu gặp khó khăn. Trong khi đó, sản lượng vụ này lại tăng mạnh, tỷ lệ đậu quả đạt trên 95% nhờ thời tiết thuận lợi.

Còn tại Hậu Giang, hiện giá nhãn thu mua tại vườn cũng ở mức thấp, chỉ từ 13.000-15.000 đ/kg tùy loại, giảm 10.000 đ/kg so với thời điểm trước khi có dịch Covid-19.

Bơ: Tại Đắk Lắk, bơ 034 đang vào vụ thu hoạch, năm nay sản lượng bơ tăng cao do thời tiết thuận lợi nhưng tiêu thụ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nên giá giảm mạnh so với cùng kỳ các năm trước. Giá bơ 034 thu mua tại vườn chỉ còn 30.000 đ/kg, giảm một nửa so với mức giá 60.000 đ/kg của năm trước.

Nguyên nhân chính khiến giá bơ giảm thấp là do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 làm xuất khẩu gặp khó khăn, trong khi nhu cầu sử dụng, tiêu thụ yếu khi các nhà hàng, khách sạn, quán cà phê cũng bị hạn chế.

Mận: Gần cuối tháng 4, mưa đá đã gây ảnh hưởng nặng nề lên nhiều diện tích trồng mận tại Sơn La trong khi mận đang vào đầu vụ thu hoạch.

Mặc dù nguồn cung hiện còn khá hạn chế do vào đầu vụ, nhưng giá mận năm nay vẫn thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ các năm trước do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hạn chế vận tải khiến tiêu thụ khó khăn. Giá mận tam hoa mua tại vườn chỉ còn 6.000 – 7.000 đ/kg, giảm 50% so với cùng kỳ năm trước.

Vải: Thời điểm này, tại Gia Lai, vải đang vào vụ thu hoạch sớm, năng suất dự kiến tăng khá so với vụ mùa trước. Các địa phương khác tại khu vực Tây Nguyên cũng đang thu hoạch vải u hồng, sản lượng thu hoạch tăng khoảng 30% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tiêu thụ yếu nên giá vải giảm so với cùng kỳ năm trước từ 15.000 – 20.000 đ/kg, còn 25.000 – 35.000 đ/kg. Vải u hồng Tây Nguyên chủ yếu được tiêu thụ tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam khác, giá bán lẻ từ 60.000 – 70.000 đ/kg, giảm gần 40% so với cùng kỳ năm 2019.

Thông thường, vải Tây Nguyên chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa, chiếm hơn 80% tổng sản lượng vải, chỉ khoảng 20% sản lượng được xuất khẩu sang Trung Quốc. Vải tại đây thường cho thu hoạch sớm hơn một tháng so với các tỉnh phía Bắc như Bắc Giang, Hải Dương. Tại Bắc Giang, hiện trà vải sớm đang trong giai đoạn quả non, sản lượng ước đạt 45.000 tấn, tăng 5.000 tấn so với năm trước; tổng sản lượng vải của tỉnh Bắc Giang dự kiến đạt 160.000 tấn, tăng khoảng 10.000 tấn so với năm 2019.

2. Thị trường rau củ

2.1. Tình hình sản xuất

Tính đến ngày 15/4/2020, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 387,7 nghìn ha ngô, giảm 3% cùng kỳ năm trước; 62,3 nghìn ha khoai lang, giảm 8%; 126,7 nghìn ha lạc, giảm 1%; 15,5 nghìn ha đậu tương, giảm 11% và 586,2 nghìn ha rau đậu, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước.

2.2. Diễn biến giá

Từ ngày 1/4/2020, cả nước thực hiện cách ly toàn xã hội trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp hơn tại Việt Nam nên thị trường rau củ biến động mạnh mẽ. Trong tuần đầu tháng, do lo ngại nguồn cung rau quả ảnh hưởng cộng với tâm lý hạn chế đi đến nơi công cộng, nên đa phần người tiêu dùng có xu hướng tăng mua tích trữ thực phẩm, giá rau quả tăng cao trong vài ngày đầu. Tiếp sau đó, trong gần cả tháng 4, giá rau quả giữ ổn định nhưng vẫn ở mức cao so với bình thường dù nguồn cung không thiếu, đặc biệt là các loại rau củ dễ bảo quản như: bí xanh, bí đỏ, bắp cải, khoai tây, cà rốt, cà chua... những loại rau củ này có giá tăng từ 30% - 80% so với tháng trước đó. Nhưng đến cuối tháng 4, sau khi lệnh cách ly được gỡ bỏ, thị trường đã dần ổn định trở lại, giá nhiều loại rau quả giảm mạnh so với đầu tháng và so với cùng kỳ tháng trước đó, hầu hết các loại rau quả đã trở về mức giá bình thường. Cụ thể:

Tại các chợ Hà Nội giá các loại rau giảm so với tháng trước: mồng toi 4.000 đ/mớ, giảm 1.000 đ/mớ; bí xanh 15.000 đ/kg, giảm 10.000 đ/kg; bí đỏ 13.000 đ/kg, giảm 2.000 đ/kg; rau ngót 5.000 đ/mớ, giảm 1.000 đ/mớ; cải bó xôi 6.000 đ/mớ, giảm 1.000 đ/mớ; su su 16.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg; cải mơn 4.000 đ/mớ, giảm 1.000 đ/mớ; bắp cải trắng giảm 5.000 đ/kg, còn 15.000 đ/kg; cà chua giảm 5.000 đ/kg, còn 20.000 đ/kg.

Tại Vĩnh Phúc: giá bắp cải: 8.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg; rau muống 4.000 đ/mớ, giảm 1.000 đ/mớ; rau ngót 6.000 đ/mớ, giảm 2.000 đ/mớ; rau mồng toi 4.000 đ/mớ, giảm 1.000 đ/mớ; bí xanh: 14.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg; dưa chuột: 10.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg.

Tại An Giang, giá rau củ giảm so với tháng trước: mồng toi 10.000 đ/kg, giảm 4.000 đ/kg; rau bí 18.000 đ/kg, giảm 2.000 đ/kg; xà lách 8.000 đ/kg, giảm 2.000 đ/kg; bắp non 20.000 đ/kg, giảm 1.000 đ/kg; rau dền 8.000 đ/kg, giảm 2.000 đ/kg; mồng toi 10.000 đ/kg, giảm 4.000 đ/kg.

Tại TP.HCM, giá rau củ cũng giảm: cải xanh giảm 3.000 đ/kg, xuống 15.000 đ/kg; xà lách búp giảm 3.000 đ/kg, xuống 8.000 đ/kg; cải ngọt giảm 1.000 đ/kg, xuống 12.000 đ/kg; cải thảo giảm 3.000 đ/kg, xuống 7.000 đ/kg; bắp cải giảm 5.000 đ/kg, xuống 4.000 đ/kg; su su giảm 1.000 đ/kg, xuống 4.000 đ/kg; khoai lang bí giảm 5.000 đ/kg, xuống 7.000 đ/kg; cà chua giảm 10.000 đ/kg, xuống 15.000 đ/kg, bí xanh giảm 3.000 đ/kg, xuống 8.000 đ/kg. *(Tham khảo phục lục Bảng giá rau củ tại một số tỉnh, thành phố)*

3. Tình hình xuất nhập khẩu rau quả

3.1. Tình hình xuất khẩu rau quả

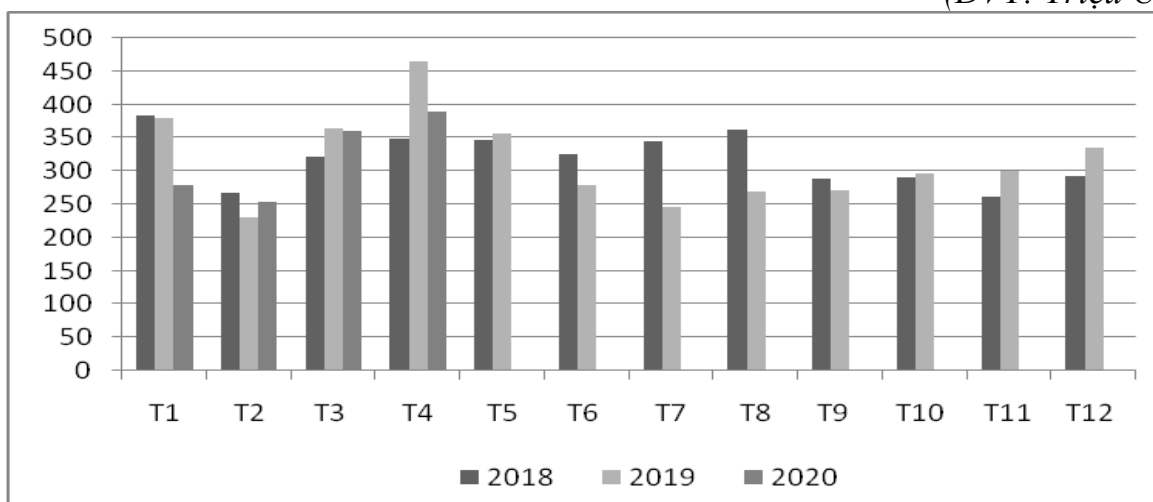
Trong tháng 4/2020, Việt Nam thực hiện cách ly toàn xã hội từ ngày 1/4/2020 đến 22/4/2020 cộng với Trung Quốc tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh, kiểm soát xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới nên tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam cũng chậm lại. Theo số liệu Tổng cục Thống kê, ước kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt 390 triệu USD trong tháng 4/2020, chỉ tăng 8% so với tháng 3/2020 và giảm 16,3% so với tháng 4/2019. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu rau quả ước đạt 1,2 tỷ USD, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tuần cuối tháng 4, xuất nhập khẩu hàng hóa tại cửa khẩu biên giới với Trung Quốc vẫn tiếp tục được kiểm soát, lượng lớn xe hàng hóa trong tình trạng ùn ứ. Riêng trong ngày 20/4/2020, có 842 xe xuất khẩu và 884 xe nhập khẩu. Trong đó, tỉnh Lạng Sơn có 492 xe xuất khẩu; tồn 1.610 xe và toa hàng, cụ thể: Cửa khẩu Hữu Nghị xuất 279 xe (nông sản, hoa quả, linh kiện điện tử), tồn 481 xe xuất khẩu gồm nông sản, linh kiện điện tử; cửa khẩu Tân Thanh xuất 69 xe (thanh long, dưa hấu, xoài, chuối...) và tồn 734 xe nông sản, hoa quả chờ xuất khẩu; cửa khẩu Cốc Nam xuất 100 xe (mít, xoài). Tại tỉnh Lào Cai, xuất khẩu 172 xe (thanh long, dưa hấu, chuối, mít,...). Tỉnh Hà Giang, xuất khẩu 44 xe (thanh long, ván, chuối, ớt khô, tinh bột sắn, dưa hấu, mít); tỉnh Cao Bằng, xuất khẩu 45 xe (ván bóc, hoa quả), còn tồn 72 xe hàng nông sản.

Như vậy, tính từ đầu tháng 2 đến hết ngày 20/4/2020, tổng số xe hàng hóa xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu biên giới giáp Trung Quốc là: 52.930 xe xuất khẩu, và 45.081 xe nhập khẩu. Trong đó: Lạng Sơn xuất 26.768; Quảng Ninh xuất 4.267, Hà Giang xuất 2.746, Lào Cai xuất 20.168, Lai Châu xuất 1.046, Cao Bằng xuất 909 xe.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam qua các tháng

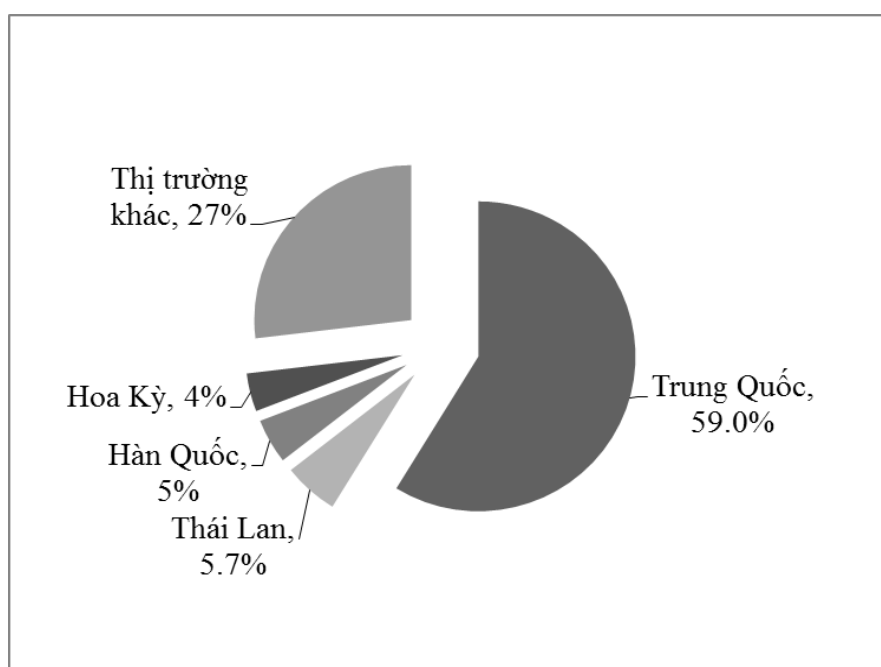
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

Còn theo số liệu thống kê sơ bộ của TCHQ, xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong tháng 3/2020 đạt 361 triệu USD, tăng 42,7% so với tháng 2/2020 nhưng giảm 0,8% so với tháng 3/2019. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu đạt 889,6 triệu USD, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả 3 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 3/2020, Trung Quốc là thị trường tiêu thụ rau quả lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 228,2 triệu USD, tăng 75,4% so với tháng 2/2020 nhưng giảm 9,8% so với tháng 3/2019; lũy kế 3 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu rau quả

sang thị trường này đạt 525,6 tỷ USD, giảm 22,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 59,1% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước.

Đứng thứ hai là thị trường Thái Lan với kim ngạch 15,2 triệu USD, giảm 27,6% so với tháng 2/2020 nhưng tăng 218,9% so tháng 3/2019; lũy kế đạt 50,5 triệu USD, tăng 308,8% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 5,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này.

Nhật Bản đứng thứ ba với kim ngạch là 14,4 triệu USD, tăng 25% so với tháng 2/2020 và tăng 27,3% so tháng 3/2019; lũy kế đạt 35,5 triệu USD, tăng 26% so cùng kỳ năm 2019 và chiếm 4% tổng kim ngạch.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam tháng 3/2020 và 3 tháng đầu năm 2020

Thị trường	T3/2020 (Nghìn USD)	T3/2020 so với T2/2020 (%)	T3/2020 so với T3/2019 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019 (%)
Trung Quốc	228.296,9	75,4	-9,8	525.650,2	-22,7
Thái Lan	15.294,5	-27,6	218,9	50.518,4	308,8
Nhật Bản	14.489,0	25,0	27,3	35.587,8	26,0
Hàn Quốc	14.423,3	-8,9	14,3	41.598,6	33,0
Hoa Kỳ	13.337,5	14,5	8,6	35.824,6	12,8
Hà Lan	7.281,9	5,4	35,5	18.617,3	11,6
Đài Loan	6.306,1	15,6	79,2	15.298,7	97,3
Nga	6.263,7	31,2	193,6	14.443,4	220,1
UAE	5.253,3	31,9	29,7	12.028,5	14,6
Australia	4.492,5	-1,2	43,9	13.583,0	42,5
Lào	3.296,1	64,7	77,8	13.047,0	190,7
Hồng Kông	3.053,6	13,6	45,4	7.705,5	40,2
Malaysia	2.835,8	-31,8	-3,1	9.799,4	16,4
Singapore	2.444,4	-5,9	-8,2	7.501,0	-2,5
Pháp	2.407,5	-20,6	-11,7	8.391,6	16,8
Canada	2.152,6	-15,6	8,1	6.905,8	35,6
Đức	1.824,8	-12,3	-21,4	5.417,5	13,7
Anh	1.346,3	100,0	74,4	2.438,7	54,8

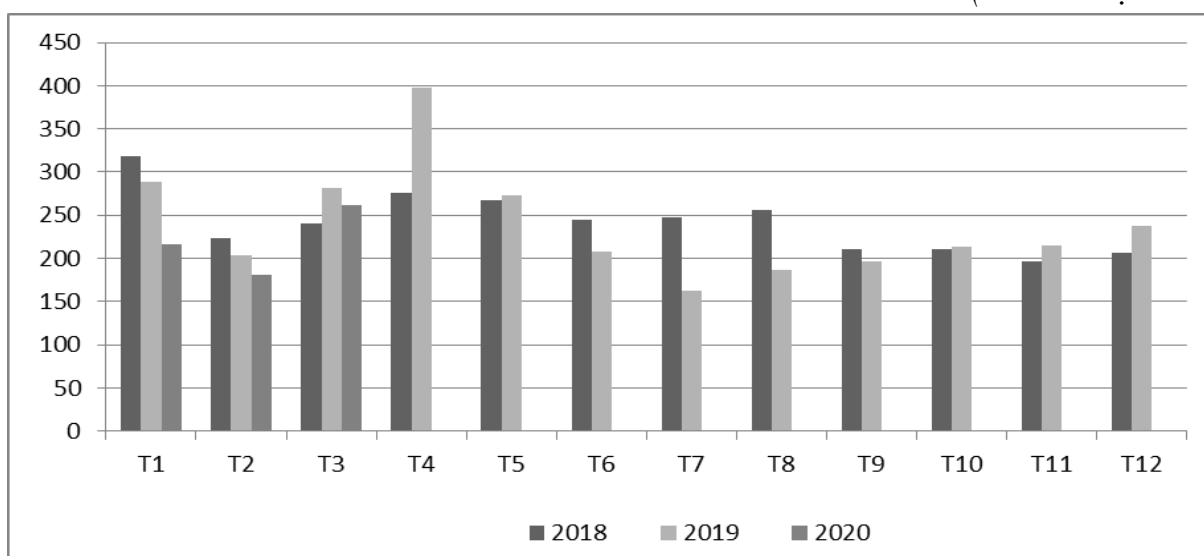
Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

3.1.1. Tình hình xuất khẩu trái cây

Tháng 3/2020, kim ngạch xuất khẩu trái cây tươi đạt 261,4 triệu USD, tăng 44,3% so với tháng 2/2020 nhưng giảm 7,3% so với tháng 3/2019; lũy kế 3 tháng đầu năm 2020 đạt 660,1 triệu USD, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 90,2% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu trái cây tươi của Việt Nam năm 2018 – 2020

(ĐVT: Triệu USD)



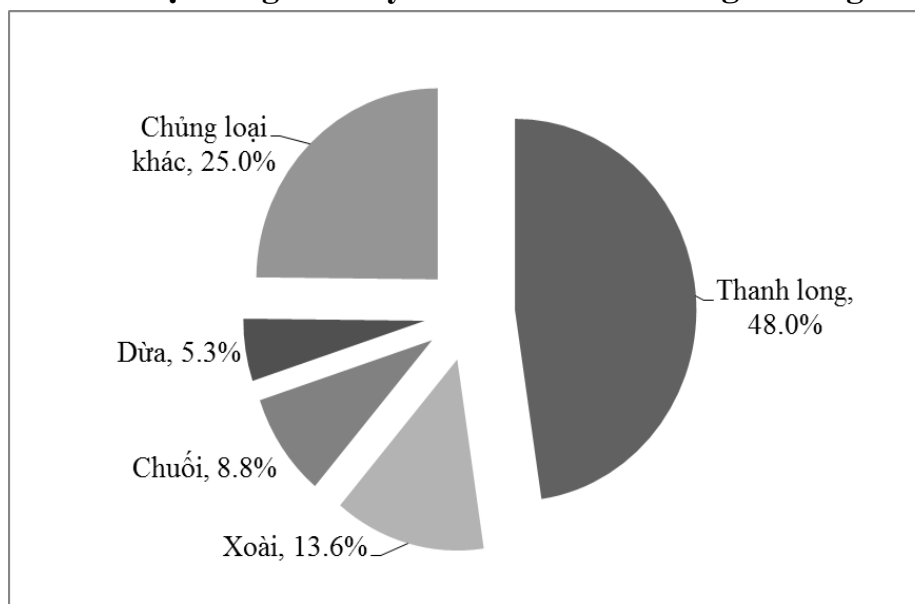
Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

Thanh long tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ lực với 113,6 triệu USD, tăng 17% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 317,4 triệu USD, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 48,1% tỷ trọng xuất khẩu trái cây. Trung Quốc là thị trường tiêu thụ thanh long nhiều nhất của Việt Nam với 106,3 triệu USD, tăng 21,2% so tháng 2/2020; lũy kế đạt 291,1 triệu USD, chiếm 91,7%. Tiếp đến là Hoa Kỳ (chiếm 2,2%), Hồng Kông (chiếm 1,1%), Thái Lan (chiếm 1,2%). Thanh long chủ yếu được xuất khẩu qua cảng Cát Lái (Tp.HCM), chiếm tỷ trọng 54,4%; tiếp đến là cửa khẩu Lào Cai chiếm 21,5% tổng kim ngạch xuất khẩu thanh long trong 3 tháng đầu năm 2020.

Kim ngạch xuất khẩu xoài trong tháng 3/2020 đạt 48,9 triệu USD, tăng 240% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 89,7 triệu USD, tăng 30,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,6% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây. Trung Quốc là thị trường tiêu thụ xoài lớn nhất với 39,8 triệu USD, tăng 395,7% so tháng 2/2020; lũy kế đạt 66,4 triệu USD, chiếm 74% tỷ trọng xuất khẩu xoài trong quý I/2020. Tiếp đến là Papua New Guinea (chiếm 6,2%), Nga (chiếm 4,4%), Hàn Quốc (chiếm 3,7%). Xoài chủ yếu được xuất khẩu qua cửa khẩu Cóc Nam (Lạng Sơn) với tỷ trọng 42,9%; tiếp đến là cảng Cát Lái (tp.HCM) chiếm 20,9% tổng kim ngạch xuất khẩu xoài trong 3 tháng năm 2020.

Xuất khẩu chuối đạt 29,1 triệu USD, tăng 67,5% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 58,3 triệu USD, tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 8,8% tỷ trọng xuất khẩu trái cây. Trung Quốc là thị trường tiêu thụ chuối lớn nhất với 26,8 triệu USD, tăng 76,2% so tháng 2/2020; lũy kế đạt 52,4 triệu USD, chiếm 89,9%. Tiếp đến là Nga (chiếm 2,1%), Nhật Bản (chiếm 1,8%) tỷ trọng xuất khẩu chuối trong 3 tháng năm 2020. Trong quý đầu năm, chuối chủ yếu được xuất khẩu qua cảng Cát Lái (tp.HCM) là cảng xuất khẩu chuối nhiều nhất (chiếm 74,2%).

Biểu đồ 4: Cơ cấu mặt hàng trái cây xuất khẩu năm trong 3 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải Quan Việt Nam

Bảng 2: Chủng loại trái cây xuất khẩu trong tháng 3/2020 và 3 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	T3/2020 (Nghìn USD)	T3/2020 so với T2/2020 (%)	T3/2020 so với T3/2019 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019 (%)
Thanh Long	113.617,5	17,0	5,8	317.486,2	0,6
Xoài	48.941,4	240,1	78,7	89.777,9	30,8
Chuối	29.113,2	67,5	26,2	58.390,4	1,0
Dừa hấu	13.153,4	315,3	-16,5	24.814,5	-31,6
Mít	12.938,6	61,5	25,2	31.985,5	23,7
Chanh tươi	5.641,6	31,7	9,3	12.637,5	13,0
Sầu riêng	3.018,8	-8,7	-90,8	14.044,6	-75,0
Chanh leo	2.847,6	-3,2	15,8	8.737,9	39,0
Nhãn	2.612,6	0	-80,9	2.612,6	-97,0
Bưởi	1.313,6	0	299,7	1.313,6	117,6
Chôm chôm	963,0	46,0	-70,5	5.125,9	-43,9
Ổi	705,7	21,4	40,8	1.794,3	41,4
Dứa	512,5	271,1	16,0	868,4	-12,7
Mãng cụt	173,6	0	-98,7	173,6	-99,5
Đu đủ	146,5	129,9	89,5	303,8	29,0
Vải	127,8	2143,8	-10,1	270,5	-6,1
Vú sữa	87,1	-63,7	0	817,2	19,5
Mãng cầu	61,7	-48,8	-29,5	251,8	13,4

Chủng loại	T3/2020 (Nghìn USD)	T3/2020 so với T2/2020 (%)	T3/2020 so với T3/2019 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019 (%)
Nhà	57,3	98,8	-74,4	86,1	-81,0

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM/Tổng hợp từ TCHQ Việt Nam

Về thị trường, trong tháng 3/2020, Trung Quốc tiếp tục là thị trường tiêu thụ trái cây lớn nhất của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt 203,3 triệu USD, tăng 65,9% so với tháng 2/2020 nhưng giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2019. Lũy kế đạt 485,7 triệu USD, giảm 24,8% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 73,6% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây của cả nước.

Trong đó, thanh long, xoài, chuối, dưa hấu, mít, dứa, nhãn là các mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất sang Trung Quốc...Cụ thể, thanh long chiếm 59,9% tỷ trọng xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc trong 3 tháng năm 2020, tiếp đến là xoài chiếm 13,7%; chuối chiếm 10,8%; dưa hấu chiếm 5,0%; mít chiếm 5,6%; nhãn chiếm 0,3%; Cảng Cát Lái (tp.HCM) là cửa khẩu xuất khẩu chính các loại trái cây sang Trung Quốc (chiếm 43,3%), cửa khẩu Lào Cai (chiếm 18,3%), cửa khẩu Mộc Bài (chiếm 10,5%).

Đứng thứ hai là thị trường Thái Lan đạt 13,1 triệu USD, giảm 30,9% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 44,7 triệu USD, tăng 420% so với cùng kỳ 2019, chiếm 6,8% tổng kim ngạch. Hoa Kỳ đứng thứ ba với kim ngạch đạt 5,2 triệu USD, giảm 11,4% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 17,5 triệu USD, giảm 1,0% so với cùng kỳ 2019, chiếm 2,7% tổng kim ngạch

Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu trái cây của Việt Nam trong tháng 3/2020, phân theo thị trường

Thị trường	T3/2020 (Nghìn) USD)	T3/2020 so với T2/2020 (%)	T3/2020 so với T3/2019 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019 (%)
Trung Quốc	203.379,7	65,9	-10,7	485.762,3	-24,8
Thái Lan	13.118,3	-30,9	298,7	44.792,7	420,0
Hoa Kỳ	5.222,1	-11,4	-19,3	17.596,4	-1,0
U.A.E	4.515,7	42,2	36,8	9.920,5	19,7
Papua New Guinea	3.864,8	35035,3	-38,8	10.225,9	-17,0
Nga	2.780,9	28,3	282,2	6.417,4	286,0
Hà Lan	2.460,0	-4,3	-19,7	7.088,0	-24,9
Úc	2.443,5	13,7	23,2	7.176,6	25,4
Hàn Quốc	2.425,8	-6,1	-12,1	7.002,7	17,8
Hồng Kông	2.231,6	12,5	60,3	5.172,0	41,0

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

3.1.2. Tình hình xuất khẩu rau củ

Tháng 3/2020, kim ngạch xuất khẩu rau củ đạt 29 triệu USD, tăng 24% so với tháng 2/2020 nhưng giảm 27,8% so với tháng 3/2019; lũy kế 3 tháng đầu năm 2020 đạt 72 triệu USD, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 9,8% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của cả nước.

Trong đó, ớt là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất với 9,4 triệu USD, tăng 41,4% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 20,7 triệu USD, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 28,8% tổng xuất khẩu rau củ cả nước.

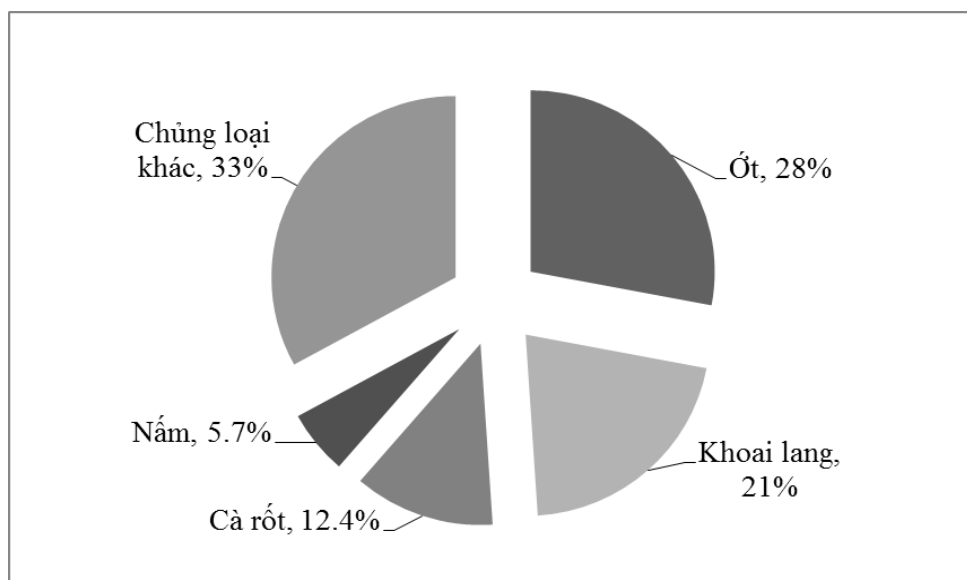
Tiếp theo là khoai lang với 7,2 triệu USD, tăng 71,3% so với tháng trước; lũy kế đạt 15 triệu USD, tăng 61,3%, chiếm 21% tỷ trọng. Xuất khẩu cà rốt đạt 2,4 triệu USD, giảm 49,4% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 8,9 triệu USD, tăng 67% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 12,4% tổng kim ngạch xuất khẩu rau củ cả nước.

Bảng 4: Chủng loại rau củ xuất khẩu trong tháng 3/2020 và 3 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	T3/2020 (Nghìn USD)	T3/2020 so với T2/2020 (%)	T3/2020 so với T3/2019 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019 (%)
Ớt	9.457,2	41,4	11,6	20.746,8	20,7
Khoai lang	7.240,4	71,3	87,1	15.089,4	61,3
Cà rốt	2.479,4	-49,4	-3,4	8.955,4	67,0
Đậu các loại	1.770,0	43,6	-24,2	3.597,8	-12,5
Bắp non	1.549,7	13,7	49,2	3.970,5	39,0
Tỏi	1.065,7	16,7	27,6	3.106,0	8,7
Nấm	745,5	10,5	-93,5	4.118,0	52,9
Bí đỏ	461,9	45,8	-18,8	1.096,8	32,8
Măng	425,6	86,7	-1,5	873,4	-28,7
Khoai môn	326,5	110,9	-23,6	653,5	-25,7
Mộc nhĩ	324,8	0	-92,5	1.035,3	-89,2
Củ dền	232,9	25,4	24,6	608,2	17,6
Dưa chuột	169,5	34,7	-32,5	377,3	-40,9
Bó xôi	158,8	-21,7	-63,0	361,6	-31,4
Hành củ	156,7	4,6	0,3	428,4	0,2

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM/ Tổng hợp từ TCHQ Việt Nam

Biểu đồ 5: Cơ cấu mặt hàng rau củ xuất khẩu trong 3 tháng đầu năm 2020

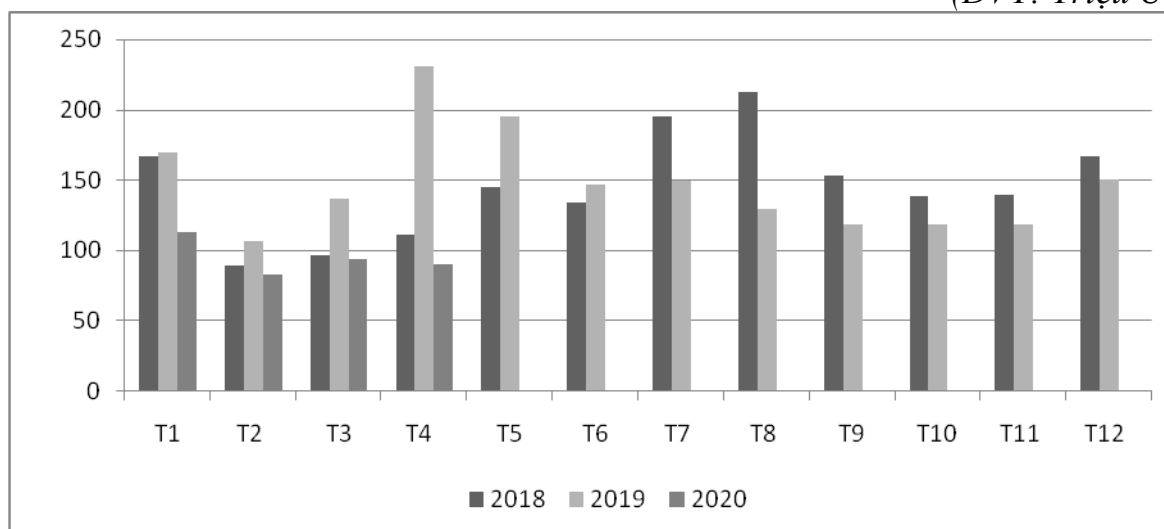


Nguồn: Trung tâm TTCN&TM/Tổng hợp từ TCHQ Việt Nam

3.2. Tình hình nhập khẩu

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tháng 4/2020, ước kim ngạch nhập khẩu rau quả còn 90 triệu USD, giảm 4,3% so với tháng 3/2020 và giảm 61% so với tháng 4/2019. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu rau quả ước đạt 382 triệu USD, giảm 42% so với cùng kỳ năm 2019.

Biểu đồ 6: Kim ngạch nhập khẩu rau quả của Việt Nam qua các tháng (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

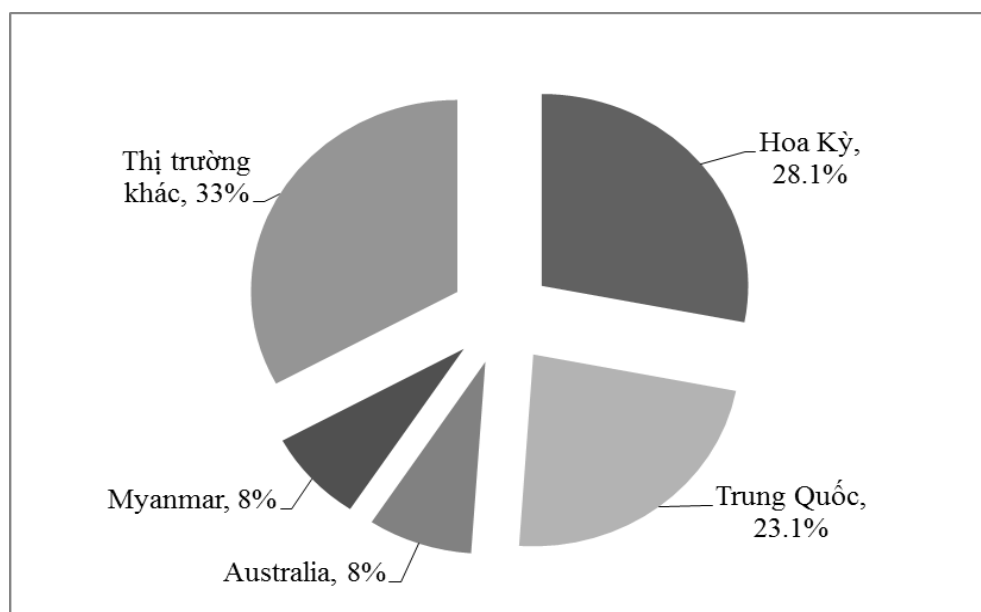
Còn theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong tháng 3/2020 đạt 94 triệu USD, tăng 13,3% so với tháng 2/2020 nhưng giảm 31,4% so với tháng 3/2019. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2020 đạt 292,4 triệu USD, giảm 30,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó Trung Quốc là thị trường cung cấp mặt hàng rau quả lớn nhất cho Việt Nam với kim ngạch đạt 22,9 triệu USD, tăng 40,6% so tháng 2/2020 nhưng giảm 12,3%

so tháng 3/2019; tính chung 3 tháng đầu năm 2020, kim ngạch nhập khẩu đạt 67,5 triệu USD, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 23,1% tổng kim ngạch nhập khẩu 3 tháng năm 2020.

Hoa Kỳ xếp vị trí thứ hai, với kim ngạch 21,6 triệu USD, giảm 27,2% so tháng 2/2020 nhưng tăng 53,9% so tháng 3/2019; lũy kế đạt 82 triệu USD, giảm 54,7% so cùng kỳ năm trước, chiếm 28,1% tổng kim ngạch. Kế đến là thị trường Myanmar, đạt 10,1 triệu USD, tăng 62,8% so tháng trước và tăng 41,9% so tháng 3/2019; lũy kế đạt 22,9 triệu USD, tăng 73,2% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 8% tổng kim ngạch.

Biểu đồ 7: Cơ cấu thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam 3 tháng 2020



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

Bảng 5: Kim ngạch nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong tháng 3/2020, phân theo thị trường

Thị trường	T3/2020 (Nghìn USD)	T3/2020 so với T2/2020 (%)	T3/2020 so với T3/2019 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019 (%)
Trung Quốc	22,919,329	40,6	-12,3	67,573,006	-23,2
Hoa Kỳ	21,672,698	-27,2	53,9	82,097,853	54,7
Myanmar	10,134,620	62,8	41,9	22,908,781	73,2
Australia	9,039,969	40,7	14,0	23,895,246	-8,5
Nam Phi	5,736,670	-3,5	10,4	16,251,027	39,6
Thái Lan	4,391,655	158,6	-92,5	15,383,596	-90,9
Hàn Quốc	3,633,758	-8,3	43,8	12,742,163	45,1

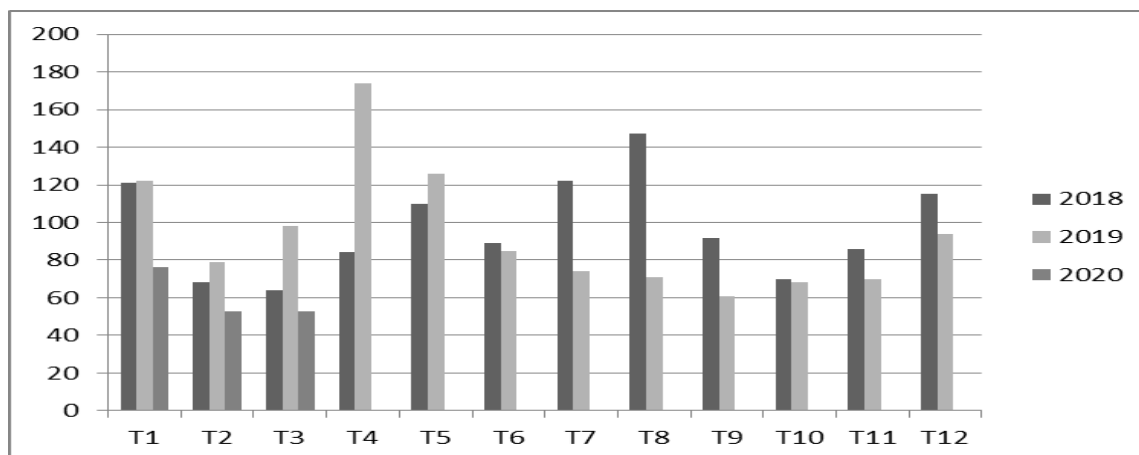
Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

3.2.1. Tình hình nhập khẩu trái cây

Tháng 3/2020, kim ngạch nhập khẩu trái cây tươi của Việt Nam đạt 53,3 triệu USD, tăng 0,5% so với tháng 2/2020 nhưng giảm 45,8% so với cùng kỳ năm 2019; lũy kế 3 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu trái cây đạt 182,6 triệu USD, giảm 39,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 71% tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả cả nước.

Biểu đồ 8: Kim ngạch nhập khẩu trái cây qua các tháng năm 2018 - 2019

(ĐVT: Triệu USD)



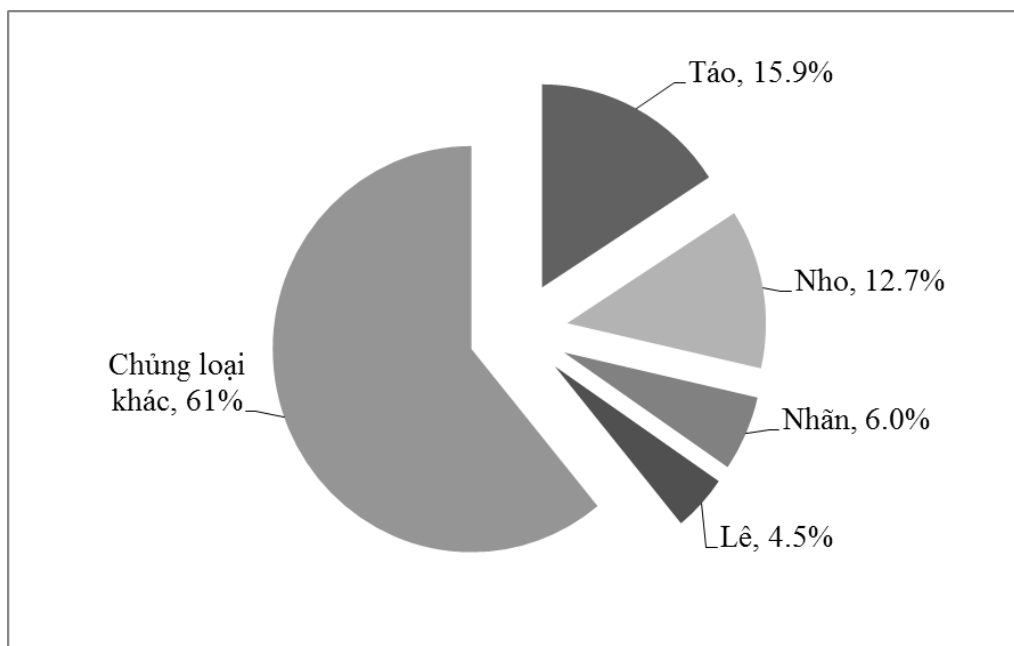
Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

Nho là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 3/2020, đạt 9,6 triệu USD, tăng 43,5% so với tháng trước đó; lũy kế đạt 23,2 triệu USD, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 12,7% tổng kim ngạch nhập khẩu trái cây. Trong đó, Australia là thị trường cung cấp nho lớn nhất cho Việt Nam với 5 triệu USD, tăng 190,5% so tháng 2/2020; lũy kế đạt 7,4 triệu USD, chiếm 32%. Tiếp đến là Nam Phi chiếm 40,1% tỷ trọng xuất khẩu nho trong 3 tháng năm 2020.

Xếp vị trí thứ hai là táo với 7,2 triệu USD, tăng 35,4% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 29,1 triệu USD, giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 15,9% tổng kim ngạch nhập khẩu trái cây. Táo chủ yếu được nhập từ Hoa Kỳ với 2,7 triệu USD trong tháng 3/2020, giảm 6,5% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 15,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 54,2%. Tiếp đến là New Zealand chiếm 7,5% tỷ trọng, Trung Quốc chiếm 10,4% tỷ trọng xuất khẩu táo trong 3 tháng năm 2020.

Tiếp đến là nhãn với 2,7 triệu USD, tăng 386,7% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 10,9 triệu USD, giảm 86,6% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 6% tổng kim ngạch nhập khẩu trái cây. Việt Nam nhập khẩu nhãn nhiều nhất từ Thái Lan với 2,7 triệu USD trong tháng 2/2020, tăng 386,7% so với tháng trước đó; lũy kế đạt 10,9 triệu USD, chiếm 100% tỷ trọng.

Biểu đồ 9: Cơ cấu chủng loại trái cây nhập khẩu của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

Bảng 6: Chủng loại trái cây nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 3/2020

Chủng loại	T3/2020 (Nghìn USD)	T3/2020 so với T2/2020 (%)	T3/2020 so với T3/2019 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019 (%)
Nho	9.644,2	43,5	-16,3	23.267,6	-14,6
Táo	7.233,6	35,4	23,8	29.132,5	-3,8
Nhãn	2.793,1	386,7	-78,9	10.976,5	-86,6
Chuối	2.282,8	117,9	-47,3	6.263,1	-21,3
Lê	2.026,4	30,7	26,4	8.207,4	26,1
Cam	1.766,5	-13,2	63,5	6.381,4	20,6
Quýt	1.211,5	74,4	44,6	3.395,8	6,6
Dâu tây	1.136,0	-20,4	-12,5	3.465,0	6,5
Me	1.026,8	185,3	-46,8	1.536,7	-41,4
Xoài	903,5	450,4	3,3	1.732,5	26,1
Mít	564,5	313,4	-48,4	2.437,7	0
Sầu riêng	159,8	276,5	-99,5	182,0	-99,6
Anh đào	120,4	-92,4	183,7	172,5	0
Việt quất	118,4	-66,4	-61,0	202,2	-76,1
Hồng	55,5	-54,9	4,7	7.330,9	0
Dưa vàng	43,5	518,2	-53,3	757,8	302,1
Chanh leo	25,1	-40,0	-90,7	834,2	87,1

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 3/2020, Hoa Kỳ là thị trường cung cấp trái cây lớn nhất cho Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu đạt 19,2 triệu USD, tăng 52,2% so với tháng 2/2020; lũy

kế 3 tháng đầu năm 2020 đạt 69,5 triệu USD, tăng 51,4% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 38,1% tổng kim ngạch nhập khẩu trái cây của cả nước.

Xếp sau là thị trường Australia với 8,2 triệu USD, giảm 2,5% so tháng 2/2020; lũy kế đạt 19,8 triệu USD, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 10,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng này. Nam Phi đứng thứ ba với kim ngạch đạt 5,5 triệu USD, tăng 74,1% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 16 triệu USD, chiếm 8,8% tổng kim ngạch.

Bảng 7: Kim ngạch nhập khẩu trái cây trong tháng 3/2020, phân theo thị trường

Thị trường	T3/2020 (Nghìn USD)	T3/2020 so với T2/2020	T3/2020 so với T3/2019	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019
Hoa Kỳ	19.203,3	52,2	62,4	69.521,0	51,4
Australia	8.290,2	-2,5	12,4	19.877,6	-4,7
Nam Phi	5.548,9	74,1	31,5	16.003,5	57,2
Trung Quốc	4.067,6	289,2	52,6	14.306,9	8,4
Thái Lan	3.521,9	41,0	-93,8	12.906,3	-92,0
Campuchia	2.526,3	136,9	-47,3	7.674,8	-15,7
New Zealand	2.302,9	-43,6	176,5	6.755,2	71,0
Hàn Quốc	1.413,6	20,2	-27,4	8.027,9	12,8
Pê Ru	1.096,7	3,3	-7,5	2.265,7	-27,0
Ai Cập	902,0	18,8	-1,9	2.712,7	-31,2
Lào	857,7	57,6	-59,2	1.832,9	-72,8
Pháp	745,4	483,9	-35,6	3.425,3	-17,0
Myanmar	598,2	-50,9	-60,9	700,7	-59,5
Hồng Kông	417,6	0	59,6	4.197,9	763,3
Tây Ban Nha	218,4	12,9	0	218,4	7869,1
Ấn Độ	200,0	222,8	454,2	555,7	48,8
Thổ Nhĩ Kỳ	192,3	-59,5	794,4	251,8	-47,6
Canada	191,2	-30,2	429,7	1.636,1	-39,3

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM/ Tổng hợp từ TCHQ Việt Nam

3.2.2. Tình hình nhập khẩu rau củ

Tháng 3/2020, kim ngạch nhập khẩu rau củ đạt 27,2 triệu USD, tăng 33% so với tháng 2/2020; lũy kế 3 tháng đầu năm 2020 đạt 74 triệu USD, giảm 34,2% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 29% tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả cả nước.

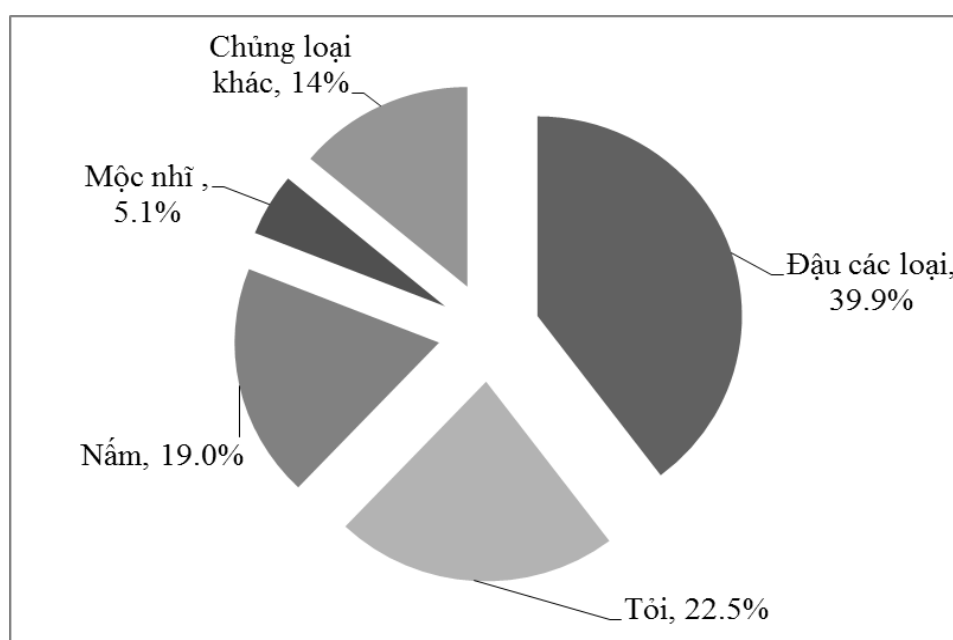
Trong đó, đậu các loại là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất với 12,4 triệu USD, tăng 56,2% so với tháng 2/2020; lũy kế đạt 29,5 triệu USD, giảm 28,1% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 39,9% tổng kim ngạch nhập khẩu rau.

Xếp vị trí thứ hai là mặt hàng tỏi với 6,3 triệu USD, tăng 20% so với tháng trước đó; lũy kế đạt 16,6 triệu USD, tăng 43,4% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 22,5% tổng kim ngạch nhập khẩu rau.

Bảng 8: Chứng loại rau củ nhập khẩu trong tháng 3/2020 và 3 tháng đầu năm 2020

Chứng loại	T3/2020 (Nghìn USD)	T3/2020 so với T2/2020 (%)	T3/2020 so với T3/2019 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	3T/2020 so với 3T/2019 (%)
Đậu các loại	12.408,6	56,2	66,7	29.537,7	-28,1
Tỏi	6.332,8	20,0	68,8	16.664,5	43,4
Nấm	3.579,3	-11,8	-63,0	14.049,0	-59,1
Hành củ	972,5	121,3	-20,2	1.831,6	-36,4
Hành tây	767,0	52,9	-37,8	2.681,1	-33,0
Mộc nhĩ	624,2	-7,5	-81,8	3.795,8	-64,9
Khoai tây	342,8	48,0	177,5	828,8	6,4
Bắp cải	298,4	16,3	-61,1	704,6	-61,8
Cải thảo	293,6	20,5	-23,5	762,1	-29,8
Khoai môn	250,0	-27,7	1193,6	728,4	737,7
Súp lơ	226,0	34,9	-31,9	521,5	-42,0
Măng	203,0	1404,3	-10,7	232,7	-51,1
Bắp non	198,8	0	713,3	198,8	31,3
Cà rốt	125,8	0	91,9	147,7	-29,1
Củ kiệu	113,5	21,3	-55,2	308,8	-63,7

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM/Tổng hợp từ TCHQ Việt Nam

Biểu đồ 10: Cơ cấu mặt hàng rau củ nhập khẩu của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2020

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM/Tổng hợp từ TCHQ Việt Nam

Trong tháng 3/2020, Trung Quốc là thị trường cung cấp rau củ lớn nhất cho Việt Nam, chiếm 59% tổng kim ngạch nhập khẩu rau củ của cả nước. Xếp sau Trung Quốc là thị trường Myanmar chiếm 29,9% tổng kim ngạch. Ấn Độ đứng thứ ba chiếm 1,1% tổng kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng này.

Trong tháng 3/2020, tỏi, nấm, mộc nhĩ, đậu, hành tây là chủng loại rau củ được nhập từ Trung Quốc nhiều nhất chiếm tỷ trọng lần lượt là 37%; 30%; 6,2%; 8,7%.

Bảng 9: Chủng loại rau củ nhập khẩu từ Trung Quốc tháng 3/2020 và 3 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	T3/2020 (Nghìn USD)	So T3/2020 với T2/2020 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	Tỷ trọng (%)
Tỏi	6.047,5	15,8	16.204,4	37,0
Nấm	3.217,0	-15,0	13.192,5	30,2
Đậu các loại	1.321,6	140,9	2.733,3	6,2
Mộc nhĩ	624,2	-7,5	3.795,8	8,7
Hành tây	619,0	29,7	2.378,6	5,4
Hành củ	510,6	150,1	1.081,9	2,5
Khoai tây	314,9	71,3	556,3	1,3
Cải thảo	293,6	20,5	762,1	1,7
Bắp cải	287,0	17,8	676,9	1,5
Khoai môn	250,0	-27,7	712,4	1,6
Súp lơ	224,0	34,5	518,4	1,2
Măng	202,1	1397,8	229,6	0,5

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM/Tổng hợp từ TCHQ Việt Nam

4. Dự báo

Trong tháng tới, hoạt động xuất nhập khẩu rau quả của Việt Nam dự báo sẽ phục hồi tích cực hơn so với tháng 4 vừa qua nhờ tình hình dịch bệnh Covid-19 cải thiện khả quan hơn ở trong nước và trên khắp thế giới. Thương mại toàn cầu tăng trở lại, gia tăng nhu cầu mua bù của các quốc gia ảnh hưởng bởi dịch bệnh như Hoa Kỳ, châu Âu, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật... sẽ là những yếu tố làm tăng xuất khẩu rau quả của Việt Nam.

Còn tại thị trường nội địa, tiêu thụ rau quả trong nước được thúc đẩy mạnh mẽ khi các nhà hàng, dịch vụ du lịch mở cửa trở lại. Tiêu thụ thuận lợi hơn nhưng dự báo giá rau quả sẽ không tăng, nhiều loại rau quả còn giảm vào chính vụ thu hoạch, nguồn cung dồi dào. Hiện các tỉnh miền Nam bước vào mùa mưa, xâm nhập mặn và khô hạn tại các tỉnh ĐBSCL đã cải thiện đáng kể, nhiều diện tích cây ăn trái đang được khôi phục tại các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Long An, Vĩnh Long, Hậu Giang, Kiên Giang. Hơn nữa, mùa hè cũng là mùa thuận lợi cho cây trồng phát triển và cho thu hoạch,

nhiều loại trái cây vụ hè đã bắt đầu vào chính vụ, nguồn cung trái cây dồi dào hơn, đặc biệt là: xoài, chôm chôm, dưa, ổi, bưởi, dưa hấu, vải u hồng... Còn tại các tỉnh phía Bắc, thời tiết ổn định hơn cũng tạo điều kiện thuận lợi cho cây vụ Hè phát triển, một số loại trái cây đang cho thu hoạch rộ gồm: dưa, ổi, chuối. Sang quý tới, sẽ có thêm nhiều loại trái cây đặc sản vào vụ thu hoạch như: xoài, mận, nhãn, vải.

Hiện vải u hồng đang vào vụ thu hoạch tại một số địa phương ở Tây Nguyên, sản lượng năm nay dự kiến sẽ tăng 30% so với cùng kỳ năm trước. Vải u hồng Tây Nguyên thường cho thu hoạch sớm hơn 1 tháng so với vải sớm ở các tỉnh phía Bắc như Bắc Giang, Hải Dương... Năm nay, diện tích vải thiều toàn tỉnh Bắc Giang là trên 28.100 ha, tương đương so với cùng kỳ năm 2019, sản lượng dự kiến khoảng 160.000 tấn, tăng gần 9% so với vụ trước; trong đó, diện tích vải sớm khoảng 6.000 ha, sản lượng 45.000 tấn và vải thiều chính vụ trên 22.100 ha, sản lượng 115.000 tấn; trà vải sớm đang trong giai đoạn quả non, sản lượng ước đạt 45 nghìn tấn, tăng hơn 5 nghìn tấn so với năm trước, dự kiến, vải sớm được thu hoạch vào khoảng ngày 10/5 tới. Tiêu thụ vải năm nay có thể sẽ gặp khó khăn hơn so với năm trước do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cộng với sản lượng tăng nên giá vải dự báo sẽ ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019.

Nhìn chung, thị trường rau quả trong tháng tới dự báo sẽ ổn định hơn so với những tháng vừa qua, tiêu thụ tăng trở lại nhưng nguồn cung dồi dào sẽ giúp giá rau quả giữ ở mức thấp hơn so với tháng 4 vừa qua.

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ THẾ GIỚI

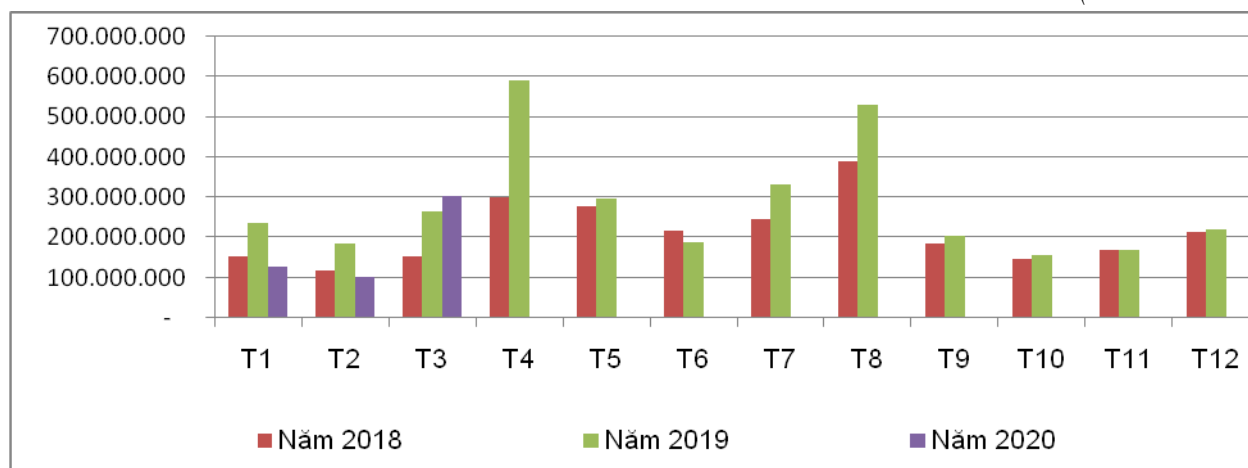
1. Tình hình xuất khẩu rau quả của Thái Lan

- Xuất khẩu trái cây

Trong tháng 3/2020, xuất khẩu trái cây của Thái Lan phục hồi mạnh mẽ nhờ xuất khẩu sang ba thị trường chính là Trung Quốc, Việt Nam và Hồng Kông tăng mạnh trong bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 có những diễn biến tích cực hơn tại các quốc gia này, đặc biệt là Trung Quốc. Kim ngạch xuất khẩu trong tháng tăng gấp ba lần so với tháng 2/2020, lên 304,6 triệu USD và tăng 15% so với tháng 3/2019. Tuy nhiên, tính chung cả quý I/2020, kim ngạch xuất khẩu trái cây của Thái Lan vẫn giảm 22,2% so với cùng kỳ năm 2019, xuống 534,9 triệu USD.

Biểu đồ 11: Kim ngạch xuất khẩu trái cây của Thái Lan qua các tháng

(ĐVT: USD)



Nguồn: Trung tâm TT CN&TM tổng hợp từ Hải quan Thái Lan

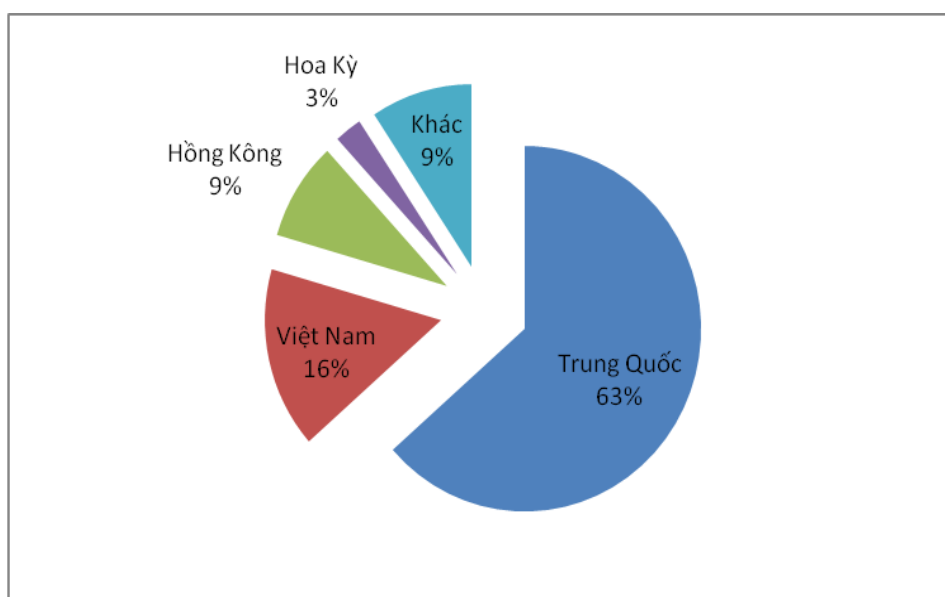
Xuất khẩu trái cây của Thái Lan sang thị trường tiêu thụ hàng đầu là Trung Quốc tăng tới 240,5% so với tháng 2/2020, nâng kim ngạch xuất khẩu lên 193,4 triệu USD, chiếm 63% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây của Thái Lan; lũy kế 3 tháng đầu năm nay, xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, lên 321 triệu USD.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu sang Việt Nam tăng mạnh trong tháng 3/2020, gấp 9 lần so với tháng trước đó, lên 48,8 triệu USD, trở thành thị trường tiêu thụ có mức tăng trưởng nhiều nhất, nâng tỷ trọng từ 5,4% trong tháng 2/2020 lên 16,4% trong tháng 3. Tuy nhiên, tính chung 3 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu trái cây sang Việt Nam vẫn giảm 68,9% so với cùng kỳ năm 2019 do giảm hoạt động tạm nhập trái cây của Thái Lan vào Việt Nam để tái xuất sang Trung Quốc.

Tiếp theo là thị trường Hồng Kông, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này 175,4% so với tháng 2/2020, lên 26,4 triệu USD, chiếm 9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây; lũy kế 3 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu chỉ còn xấp xỉ 45,5 triệu USD, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu sang Hoa Kỳ vẫn tăng 13% so với tháng trước đó, lên 7,6 triệu USD dù dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh mẽ tại Hoa Kỳ trong tháng 3 khiến quốc gia này phải thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế thương mại. Lũy kế 3 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu trái cây sang Hoa Kỳ vẫn tăng 18,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Biểu đồ 12: Cơ cấu thị trường xuất khẩu trái cây của Thái Lan trong tháng 3/2020



Nguồn: Trung tâm TT CN&TM tổng hợp từ Hải quan Thái Lan

Xuất khẩu sang Đài Loan, Nga, Lào và Nhật Bản cũng tăng mạnh trong tháng 3/2020, lần lượt tăng 544,6%, 277,2%, 90,1% và 71% so với tháng trước đó. Trong khi đó, xuất khẩu sang Myanmar, UAE, Hà Lan lại giảm nhẹ. Như vậy, trong quý đầu năm 2020, Nga là thị trường có mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nhiều nhất của ngành trái cây Thái Lan, tăng 135,8% so với cùng kỳ năm 2019; trong khi Việt Nam và Indonesia là hai thị trường sụt giảm nhiều nhất

Bảng 10: Thị trường xuất khẩu trái cây của Thái Lan trong tháng 3/2020

Thị trường	T3/2020 (Nghìn USD)	So với T2/2020 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	So với 3T/2020 (%)
Trung Quốc	193.387	240,5	320.974	16,0
Việt Nam	48.802	799,3	79.059	-68,9
Hồng Kông	26.475	175,4	45.464	-13,2
Hoa Kỳ	7.626	13,0	21.122	18,5
Myanmar	4.787	-29,1	15.377	-10,0
Nga	4.085	277,2	5.856	135,8
Hàn Quốc	3.440	24,9	8.360	-21,6
Nhật Bản	1.894	71,0	4.001	-17,4
Malaysia	1.577	9,1	4.062	33,4
Lào	1.272	90,1	2.802	-5,6
Singapore	1.215	21,1	2.944	11,7
Ấn Độ	1.078	44,3	2.545	8,6
UAE	1.037	-1,1	2.877	-6,6
Đài Loan	790	544,6	968	-8,6
Australia	735	35,5	1.930	-26,0
Canada	602	72,6	1.538	-38,2

Thị trường	T3/2020 (Nghìn USD)	So với T2/2020 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	So với 3T/2020 (%)
Arập Saudi	563	58,2	1.209	-4,5
Hà Lan	539	-14,2	1.576	-20,2
Đức	341	21,7	857	2,6
Anh	303	12,8	764	13,0
Maldives	222	-36,5	924	-11,1
Pháp	176	18,7	457	-38,5
New Zealand	161	70,7	371	1,2
Tây Ban Nha	62	-57,9	280	-31,7
Indonesia	35	-45,1	125	-99,2
Philippines	28	-68,8	224	-29,4

Nguồn: Trung tâm TT CN&TM tổng hợp từ Hải quan Thái Lan

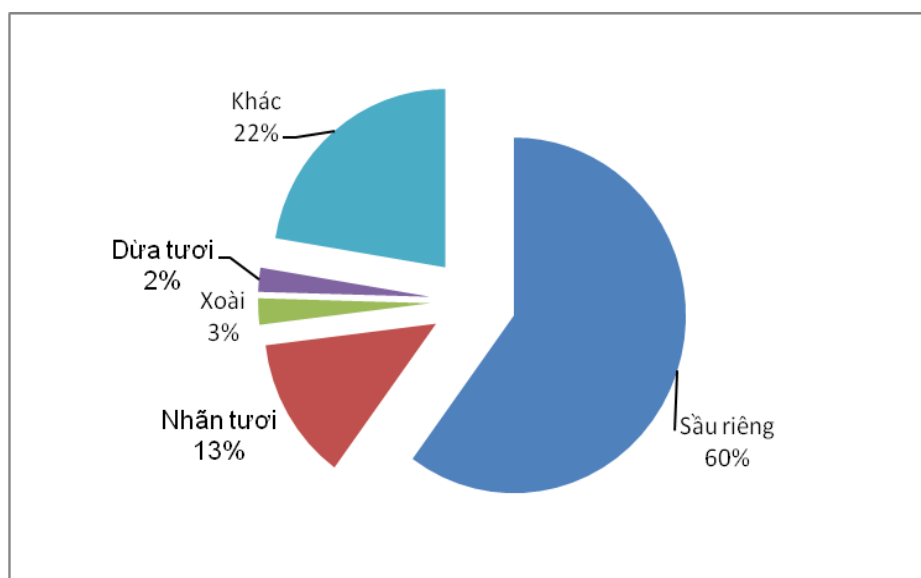
Về chủng loại, trong tháng 3/2020, sầu riêng là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Thái Lan với mức tăng trưởng mạnh mẽ, kim ngạch tăng 876,3% so với tháng 2/2020, lên 182,9 triệu USD, tỷ trọng tăng gấp đôi lên 60% trong tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây của Thái Lan; lũy kế 3 tháng đầu năm, xuất khẩu sầu riêng tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2019, lên 218,8 triệu USD. Hiện tại các tỉnh miền Đông của Thái Lan, vùng trồng sầu riêng và măng cụt lớn nhất nước, sầu riêng đã bắt đầu vào vụ thu hoạch kéo dài đến hết tháng 7.

Xuất khẩu nhãn cũng tăng 29,2% so với tháng 2/2020, lên 39,6 triệu USD, chiếm 13% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây; lũy kế 3 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này vẫn giảm 44,4% so với cùng kỳ năm 2019, xuống 130 triệu USD.

Xuất khẩu xoài tăng 76,1% lên 7,2 triệu USD; lũy kế 3 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu xoài đạt 15 triệu USD, tăng nhẹ 2,6% so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu dứa tăng 29,3% so với tháng trước, lên 6,6 triệu USD; lũy kế 3 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu dứa giảm 18,5% so với quý I/2019, còn 16,1 triệu USD.

Trong quý đầu năm 2020, nhiều chủng loại trái cây giảm kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2019 như: nhãn, dứa, măng cụt, bưởi, me...

Biểu đồ 13: Cơ cấu chủng loại trái cây xuất khẩu của Thái Lan trong tháng 3/2020



Nguồn: Trung tâm TT CN&TM tổng hợp từ Hải quan Thái Lan

Bảng 11: Chủng loại trái cây xuất khẩu của Thái Lan trong tháng 3/2020 và 3 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	T3/2020 (Nghìn USD)	So với T2/2020(%)	3T/2020 (Nghìn USD)	So 3T/2020 với 3T/2019(%)
Sầu riêng	182.963	876,3	218.846	22,1
Nhãn tươi	39.617	29,2	130.064	-44,4
Xoài	7.270	76,1	15.003	2,6
Dừa tươi	6.650	29,3	16.086	-18,5
Mít	3.424	67,4	8.529	28,1
Măng cụt	2.204	-7,7	7.406	-86,8
Me khô	1.910	-14,3	5.268	2,4
Bưởi	1.375	229,3	2.260	-28,8
Me tươi	1.316	22,7	3.288	-37,5
Dứa	960	152,3	1.659	-50,9
Chuối cau	802	13,4	2.296	-41,3
Ôi	496	25,3	1.134	-34,6
Dâu tây	414	92,3	676	19,9
Dừa khô	125	-46,9	526	-21,7
Chôm chôm	122	400,7	362	-28,3
Táo	100	215,1	200	-34,8
Thanh long	100	-30,0	364	24,7

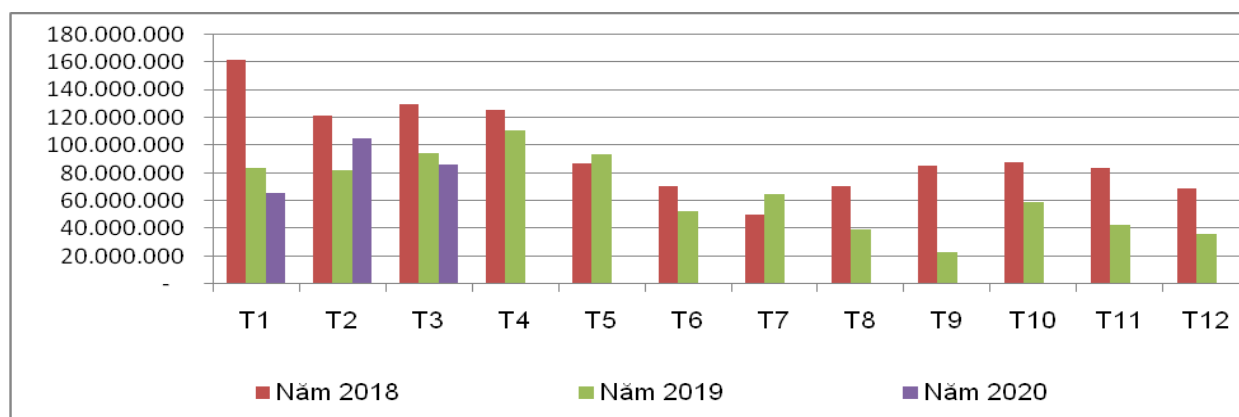
Nguồn: Trung tâm TT CN&TM tổng hợp từ Hải quan Thái Lan

- Xuất khẩu rau củ

Trong tháng 3/2020, xuất khẩu rau củ của Thái Lan giảm 18,2% so với tháng 2/2020 và giảm 8,7% so với tháng 3/2019. Lũy kế 3 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu rau củ của quốc gia này giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ năm 2019, còn 257,3 triệu USD.

Biểu đồ 14: Kim ngạch xuất khẩu rau củ của Thái Lan qua các tháng năm 2018–2020

(ĐVT: USD)



Nguồn: Trung tâm TT CN&TM tổng hợp từ Hải quan Thái Lan

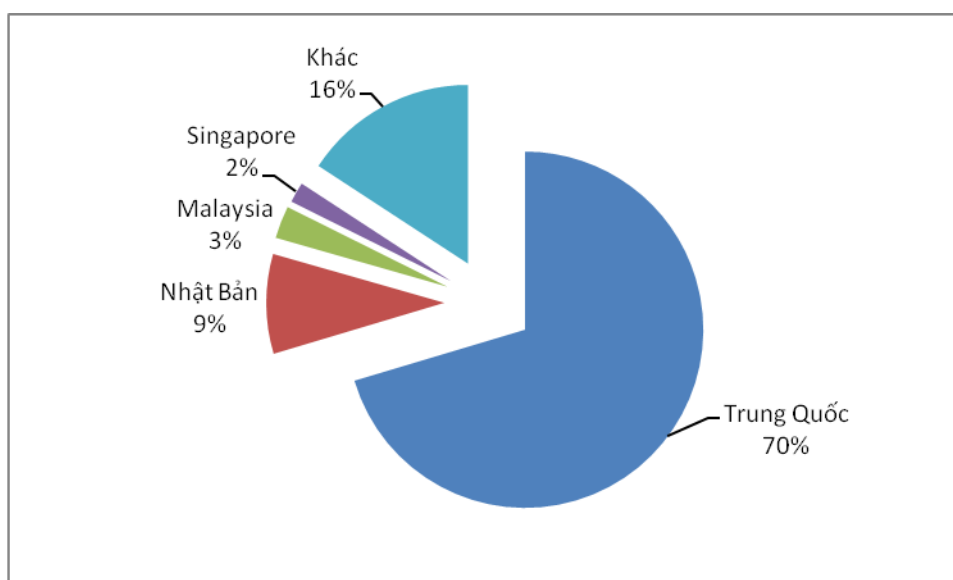
Trong tháng 3, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ rau củ lớn nhất của Thái Lan với 61 triệu USD, giảm 24,6% so với tháng trước đó, chiếm 70,4% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Thái Lan. Lũy kế 3 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu rau củ sang Trung Quốc tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2019, lên 181,1 triệu USD.

Tiếp đến là thị trường Nhật Bản với kim ngạch xuất khẩu là 9,4 triệu USD, tăng 32,6% so với tháng trước đó, chiếm 9% tổng kim ngạch xuất khẩu rau củ của Thái Lan. Lũy kế 3 tháng đầu năm, kim ngạch giảm 10,2% so với cùng kỳ năm trước, còn 23,2 triệu USD.

Xuất khẩu sang thị trường Malaysia giảm 40,5% so với tháng 2/2020, còn 1,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3%. Nhưng lũy kế 3 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng 40% so với cùng kỳ năm 2019, lên 7,5 triệu USD.

Trong quý I/2020, xuất khẩu rau quả sang một số thị trường giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019, gồm: Việt Nam (giảm 91,1%), Iran (giảm 71%), Ấn Độ (giảm 58%), Anh (giảm 14,7%)..

Biểu đồ 15: Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau củ của Thái Lan trong tháng 3/2020



Nguồn: Trung tâm TT CN&TM tổng hợp từ Hải quan Thái Lan

Bảng 12: Thị trường xuất khẩu rau củ của Thái Lan tháng 3/2020

Thị trường	T3/2020 (Nghìn USD)	So với T2/2020 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	So với 3T/2019 (%)
Trung Quốc	61.055	-24,6	181.113	2,9
Nhật Bản	9.411	32,6	23.267	-10,2
Malaysia	1.774	-40,5	7.546	40,0
Singapore	1.767	17,4	4.774	39,7
Hoa Kỳ	1.834	24,9	4.192	6,5
Đài Loan	1.643	26,6	4.656	-7,6
Anh	692	-8,9	2.398	-14,7
UAE	630	-12,3	2.138	-2,3
Hồng Kông	806	14,7	2.202	-2,4
Thụy Sĩ	564	-4,1	1.736	-0,7
Hà Lan	567	-3,1	1.758	-11,5
Đức	414	-15,8	1.341	-12,2
Hàn Quốc	564	24,1	1.426	31,0
Canada	599	83,1	1.276	70,4
Nga	273	-14,5	989	16,6
Myanmar	259	-18,5	1.298	7,2
Việt Nam	171	-43,4	835	-91,1
Maldives	231	-21,5	825	-7,8
Pakistan	-	-100,0	1.058	225,2
Pháp	117	-44,1	540	-26,0
Iran	243	51,1	714	-71,0
Australia	248	68,0	750	35,5
Ấn Độ	74	-48,2	532	-58,3

Thị trường	T3/2020 (Nghìn USD)	So với T2/2020 (%)	3T/2020 (Nghìn USD)	So với 3T/2019 (%)
Indonesia	130	-4,9	427	-57,1

Nguồn: Trung tâm TT CN&TM tổng hợp từ Hải quan Thái Lan

2. Tình hình xuất nhập khẩu rau quả của Trung Quốc

Trong tháng 3/2020, thương mại nông sản của Trung Quốc đã phục hồi so với tháng trước đó do dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát tốt hơn, đến cuối tháng 3/2020, 90% hệ thống siêu thị, cửa hàng bán lẻ của Trung Quốc hoạt động trở lại. Nhu cầu tăng và tiêu thụ thuận lợi hơn cộng với mở cửa lại các cửa khẩu quốc tế đã thúc đẩy xuất nhập khẩu rau quả của quốc gia này tăng trở lại. Cụ thể như sau:

Xuất khẩu trái cây của Trung Quốc trong tháng 3/2020 là 26 nghìn tấn, trị giá 423 triệu USD, tăng 28,5% về lượng và tăng 28,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước; lũy kế 3 tháng đầu năm, Trung Quốc xuất khẩu 79 nghìn tấn trái cây, trị giá 1,26 tỷ USD, tăng 1,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu táo đạt 9 nghìn tấn, trị giá 114,3 triệu USD, chiếm 26% tổng kim ngạch xuất khẩu trái cây, tăng 18,6% về lượng và tăng 16% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; lũy kế 3 tháng đầu năm, xuất khẩu 25 nghìn tấn táo, trị giá 312 triệu USD, tăng 1,2% so với 3 tháng đầu năm 2019.

Cũng trong tháng 3, Trung Quốc xuất khẩu 81 nghìn tấn rau các loại, trị giá 1,08 tỷ USD; tăng 6% về lượng và 3,6% về trị giá so với tháng 3/2019; lũy kế 3 tháng đầu năm, xuất khẩu 193 nghìn tấn, trị giá 2,56 tỷ USD, tăng xấp xỉ 1% so với 3 tháng đầu năm 2019. Trong đó, xuất khẩu rau và ớt tươi là 48 nghìn tấn, trị giá 442,9 triệu USD, tăng 22,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước; lũy kế 3 tháng đầu năm là 116 nghìn tấn, trị giá 1,07 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong khi đó, nhập khẩu trái cây của Trung Quốc trong tháng 3/2020 đạt 59 nghìn tấn, trị giá 865,1 triệu USD, vẫn giảm 12,5% về lượng nhưng tăng 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu trái cây của quốc gia này là 162 nghìn tấn, trị giá 3,15 tỷ USD.

3. Thị trường táo và lê của New Zealand niên vụ 2019/20

Trong niên vụ 2019/2020, diện tích trồng táo của New Zealand tiếp tục được mở rộng, diện tích thu hoạch táo ước đạt 10.180 ha, tăng gần 4% so với niên vụ 2018/2019. Tuy nhiên, diện tích trồng và thu hoạch táo có thể sẽ suy giảm trong thời gian tới. Trước đây, diện tích trồng tăng do giá táo ở mức cao, năng suất cải thiện, chất lượng quả cũng tăng giúp tiêu thụ thuận lợi hơn. Tuy nhiên, hiện nay, tại Hawkes Bay, vùng trồng táo lớn nhất của New Zealand, diện tích đất trồng đang dần bị thu hẹp, nguồn nước cũng đối mặt nguy cơ thiếu hụt cộng với các quy định mới về bảo vệ môi trường là những yếu tố gây tăng chi phí sản xuất và có thể hạn chế việc chuyển đổi đất canh tác. Dự báo sản lượng táo của New Zealand trong niên vụ 2019/2020 đạt 598.000 tấn, tăng 3,7% so với niên vụ 2018/2019. Nguyên nhân khiến sản lượng tăng chủ yếu

do tăng diện tích thu hoạch. Tuy nhiên, vẫn có một số yếu tố làm giảm sản lượng táo thu hoạch trong niên vụ này như: năng suất thấp hơn ở những cây mới cho thu hoạch, thiếu hụt lao động thu hoạch, và xu hướng thu hẹp diện tích trồng táo Braeburn do giá xuất khẩu loại táo này bị giảm thấp trong niên vụ 2018/2019 vừa qua. Tổng sản lượng táo của New Zealand trong niên vụ 2018/2019 ước đạt 576.850 tấn, gần tương đương với mức sản lượng trong niên vụ 2017/2018. Xuất khẩu táo của New Zealand trong niên vụ 2019/2020 dự báo ở mức 405.000 tấn, tăng 4% so với niên vụ 2018/2019. Hơn 2/3 sản lượng táo của New Zealand được xuất khẩu ở dạng tươi, với xu hướng gia tăng xuất khẩu sang thị trường châu Á. Do sản lượng táo tăng và tỷ lệ táo có chất lượng xuất khẩu cao hơn nên xuất khẩu táo của New Zealand trong niên vụ 2018/2019 ước đạt 391.000 tấn, tăng 6% so với niên vụ 2017/2018. Tuy nhiên, lượng táo dành cho chế biến lại giảm 15% so với niên vụ 2017/2018, xuống còn 113.000 tấn do tỷ lệ xuất khẩu táo dạng tươi tăng. Tiêu thụ táo của New Zealand sẽ ổn định ở mức 73.000 tấn trong niên vụ 2019/2020 và 2018/2019.

New Zealand là một trong những thị trường cung cấp táo hàng đầu cho thị trường Việt Nam, tiêu thụ táo xuất xứ từ quốc gia này ngày càng tăng, hiện táo New Zealand được cung cấp tại hầu hết các hệ thống siêu thị và các cửa hàng trái cây nhập khẩu. Trong quý I/2020, xuất khẩu táo của New Zealand sang thị trường Việt Nam đã tăng gần gấp ba lần so với cùng kỳ năm 2019, lên 2,1 triệu USD.

Trong niên vụ 2019/2020, sản lượng lê của New Zealand dự báo đạt 14.000 tấn, tăng 6% so với niên vụ 2018/2019 do diện tích thu hoạch tăng. Sản lượng tăng thúc đẩy xuất khẩu lê tăng 13% so với niên vụ trước, lên 4.500 tấn trong niên vụ 2019/2020. Sản lượng lê trong niên vụ 2018/2019 ước đạt 13.200 tấn, giảm 4% so với niên vụ 2017/2018. Xuất khẩu lê của quốc gia này trong niên vụ 2018/19 đạt khoảng 4.000 tấn, giảm 17% so với niên vụ 2017/2018.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TTTMND

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Lân

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

PHÒNG THÔNG TIN THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA

**Đ/c: Phòng 606 – Tầng 6 – Tòa nhà Bộ Công Thương – Số 655 đường Phạm Văn Đồng –
Bắc Từ Liêm – Hà Nội**

ĐT: (844) 3715 31 44/3715 3143 – Fax: (844) 3715 31 42

Email: tt2vitic@gmail.com

PHỤ LỤC

GIÁ RAU QUẢ TẠI MỘT SỐ TỈNH THÀNH, PHỐ TRONG THÁNG

Bảng 1: Giá rau bán lẻ tại một số địa phương tháng 4/2020

Tỉnh	Mặt hàng	ĐVT	Tháng 4/2020	So với tháng 3/2020
An Giang	Cải xanh	đ/kg	8.000	0
	Cải ngọt	đ/kg	8.000	0
	Củ cải trắng	đ/kg	8.000	0
	Rau muống	đ/kg	10.000	0
	Rau dền	đ/kg	8.000	-2.000
	Mồng toi	đ/kg	10.000	-4.000
	Rau bí	đ/kg	18.000	-2.000
	Xà lách	đ/kg	8.000	-2.000
	Bắp non	đ/kg	20.000	-1.000
	Dưa leo	đ/kg	14.000	-1.000
	Cà tím	đ/kg	15.000	-1.000
	Bí đao	đ/kg	8.000	0
	Bí rợ	đ/kg	15.000	0
Vĩnh Phúc	Bắp cải	đ/kg	8.000	0
	Rau muống	đ/mớ	4.000	0
	Rau ngót	đ/mớ	6.000	-2,000
	Rau mùng toi	đ/mớ	4.000	-1,000
	Rau dền	đ/mớ	3.500	500
	Rau cải các loại	đ/kg	12.000	-1,000
	Bí xanh	đ/kg	14.000	-1,000
	Bí đỏ	đ/kg	10.000	0
	Cà chua	đ/kg	25.000	7,000
	Cà rốt	đ/kg	16.000	1,000
	Dưa chuột	đ/kg	10.000	-3,000
Su su (quả)	đ/kg	9.000	1,000	
Hà Nội	Bầu xanh	đ/kg	21.000	0
	Cải xanh	đ/kg	15.000	0
	Bắp cải	đ/kg	12.000	0
	Rau muống	đ/mớ	6.000	0
	Rau mồng toi	đ/mớ	5.000	-1.000
	Cải ngọt	đ/kg	16.000	0
	Bí xanh	đ/kg	20.000	-5.000
	Bí đỏ	đ/kg	13.000	-2.000
	Cà chua	đ/kg	20.000	-5.000
	Cà rốt	đ/kg	12.000	0
	Dưa chuột	đ/kg	13.000	-1.000

Tỉnh	Mặt hàng	ĐVT	Tháng 4/2020	So với tháng 3/2020
	Su su (quả)	đ/kg	16.000	-1.000
	Đỗ quả	đ/kg	18.000	0
	Khoai tây	đ/kg	15.000	0
	Rau ngọt	đ/mớ	5.000	-1.000
	Cải bó xôi	đ/mớ	6.000	-1.000

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

Bảng 2: Giá rau tại chợ đầu mối Tam Bình – Thủ Đức (Tp. HCM) tháng 4/2020

Mặt hàng	ĐVT	Tháng 4/2020	So với tháng 3/2020
Cải thảo	đ/kg	7.000	-3.000
Xà lách búp	đ/kg	8.000	-3.000
Bắp cải	đ/kg	4.000	-10.000
Cải ngọt	đ/kg	12.000	-1.000
Cải xanh	đ/kg	15.000	-3.000
Rau muống nước	đ/kg	15.000	-3.000
Rau muống hạt	đ/kg	8.000	0
Cải thìa	đ/kg	12.000	6.000
Bông cải trắng	đ/kg	22.000	0
Su su	đ/kg	4.000	-1.000
Khoai lang bí	đ/kg	7.000	-5.000
Cà chua	đ/kg	15.000	-10.000
Cà rốt	đ/kg	18.000	3.000
Củ cải trắng	đ/kg	6.000	1.000
Su hào	đ/kg	11.000	1.000
Khoai tây hồng	đ/kg	22.000	0
Bí xanh	đ/kg	8.000	-3.000

Nguồn: Sở NN & PTNT HCM, Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

Bảng 3. Giá thu mua trái cây tại TP HCM tháng 4/2020

Mặt hàng	Giá tại chợ Tân Phú Trung- Củ Chi (đ/kg)	T4/2020 so T3/2020 (đ/kg)
Cam sành	20.000	-5.000
Quýt đường	45.000	-5.000
Bưởi da xanh	50.000	-10.000
Bưởi năm roi	50.000	-10.000
Xoài Đài Loan	35.000	0

Xoài cát Hòa Lộc	70.000	-10.000
Xoài cát chu	40.000	-20.000
Dưa hấu dài đỏ	10.000	-5.000
Thanh Long Bình Thuận	15.000	-20.000
Đu đủ	15.000	0
Chôm chôm thái		
Mãng cầu tròn	50.000	-30.000
Chôm chôm nhãn	-	-
Nhãn xuống	-	-
Sầu riêng Ri 6	70.000	0
Mặt hàng	Giá tại chợ Hóc Môn (đ/kg)	T4/2020 so T3/2020
Cam sành	50.000	+15.000
Quýt đường	13.000	-7.000
Bưởi Năm roi	-	-
Xoài cát Hòa Lộc	16.000	-24.000
Xoài cát Chu	15.000	0
Chuối sứ	25.000	0
Dưa hấu	15.000	+7.000
Dứa	6.000	-6.000
Đu đủ	12.000	+6.000
Mãng cầu trái Na	15.000	-10.000
Nho đỏ	43.000	0
Thanh Long	8.000	-7.000
Mặt hàng	Giá tại chợ Thủ Đức (đ/kg)	T4/2020 so T3/2020
Cam sành	18.000	0
Cam xoàn	28.000	-5.000
Quýt đường	32.000	-1.000
Bưởi da xanh	23.000	-5.000
Bưởi năm roi	23.000	-5.000
Xoài Đài Loan	5.000	-5.000
Xoài cát Hòa Lộc	38.000	-30.000
Xoài ghép	5.000	-8.000
Xoài cát chu	13.000	-15.000
Dưa hấu dài đỏ	9.000	+2.000
Dưa hấu sọc	8.000	0
Thanh Long Bình Thuận	23.000	0
Đu đủ	7.000	-2.000
Chôm chôm Thái	45.000	0
Chôm chôm nhãn	28.000	0
Mãng cầu tròn	33.000	-10.000
Nhãn huế	13.000	-2.000

Nhãn xuồng	55.000	-20.000
------------	--------	---------

Nguồn: Sở Nông Nghiệp & PT Nông Thôn HCM/ Trung tâm TTCN&TM

Bảng 4: Giá một số loại trái cây tại Hà Nội tháng 4/2020

Mặt hàng	ĐVT	T4/2020	So với T3/2020
Nhãn Thái	đ/kg	50.000-60.000	0
Dứa	đ/quả	5.000-10.000	0
Dưa hấu Sài Gòn	đ/kg	18.000-20.000	0
Dưa hấu ông mặt trời	đ/kg	25.000-28.000	0
Xoài các loại	đ/kg	30.000-60.000	0
Thanh long	đ/kg	15.000-35.000	0
Nho Ninh Thuận	đ/kg	50.000-63.000	0
Bưởi da xanh	đ/quả	55.000-105.000	0
Bưởi năm roi	đ/kg	30.000-40.000	0
Táo Fuji Mỹ	đ/ quả	80.000-200.000	0
Cam sành Sài Gòn	đ/kg	40.000-50.000	0
Cam Cao Phong	đ/kg	25.000-35.000	0
Ổi	đ/kg	12.000-17.000	-1.000
Đu đủ	đ/kg	14.000-17.000	-1.000
Cam xoàn	đ/kg	40.000-55.000	0
Quýt đường	đ/kg	35.000-40.000	0
Cam sành Hà Giang	đ/kg	30.000-35.000	0
Chôm chôm thường	đ/kg	35.000-50.000	0
Chôm chôm nhãn	đ/kg	50.000-70.000	0
Vú sữa	đ/kg	45.000-65.000	0
Lê trắng TQ	đ/kg	25.000-40.000	0
Lê Hàn Quốc	đ/kg	85.000-97.000	0
Xoài Thái	đ/kg	50.000-60.000	0
Dưa lưới	đ/kg	30.000-40.000	0
Chuối tiêu	đ/kg	12.000-15.000	0
Siêu riêng	đ/kg	90.000-120.000	0
Bơ	đ/kg	35.000-60.000	0
Mít	đ/kg	20.000-30.000	0
Hồng xiêm	đ/kg	25.000-40.000	0

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp